



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 67 + 68

Ngày 15 tháng 11 năm 2014

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 16-10-2014 - Quyết định số 5103/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực Đầu tư nước ngoài và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. 2
- 17-10-2014 - Quyết định số 5116/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh. 77

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5103/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực Đầu tư nước ngoài và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 2587/TTr-BQL ngày 22 tháng 9 năm 2014 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 4487/STP-KSTT ngày 20 tháng 8 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành

---

và thủ tục hành chính được bãi bỏ, hủy bỏ trong lĩnh vực Đầu tư nước ngoài và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5103/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
<b>I. Lĩnh vực đầu tư của nước ngoài</b>		
1.	Thủ tục đăng ký lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006.	Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.
2.	Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006.	
3.	Thủ tục đăng ký đổi Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp trước ngày 01/7/2006.	
<b>II. Lĩnh vực môi trường</b>		
1.	Thủ tục Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.	- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
2.	Thủ tục Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.	

<p>3.</p>	<p>Thủ tục Xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.</p>	<p>số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.</li> <li>- Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trong các khu chế xuất và khu công nghiệp.</li> <li>- Các văn bản ủy quyền của các Quận-huyện (Củ Chi, Bình Chánh, Nhà Bè, Bình Tân, Thủ Đức, Tân Phú và Quận 7) ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.</li> </ul>
-----------	--	--

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ**

STT	Số hồ sơ TTHC <sup>3</sup>	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC
<b>I. Lĩnh vực đầu tư của nước ngoài</b>			
1.	T-HCM-116892-TT	Thủ tục đăng ký lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.	Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.

<b>II. Lĩnh vực môi trường</b>			
1.	T-HCM-041742-TT	Thủ tục Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường.	Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
2.	T-HCM-041772-TT	Thủ tục xác nhận Đề án bảo vệ môi trường.	
3.	T-HCM-041792-TT	Thủ tục Xác nhận hoàn thành Đề án bảo vệ môi trường.	

## **Phần II**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **I. Lĩnh vực đầu tư của nước ngoài**

**1. Thủ tục Đăng ký lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006.**

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo thành phần quy định tại văn bản này và nộp tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

\* Bước 2: Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và cấp Biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp quy định.

Người đi nộp hồ sơ cần xuất trình giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp. Trường hợp người đi nộp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cần xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

+ Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam;

+ Hộ chiếu Việt Nam, Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

+ Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

Trường hợp người đi nộp là đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp, người đi nộp cần xuất trình thêm Văn bản ủy quyền hợp lệ.

\* Bước 3: Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

\* Bước 4: Doanh nghiệp căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý.

Doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư đã cấp (nếu có) cho Ban Quản lý khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

\* 01 bản chính Bản đề nghị đăng ký lại do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký (theo mẫu);

\* 01 bản chính Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần của doanh nghiệp sau khi đăng ký lại (theo mẫu);

\* 01 bản sao Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) đối với trường hợp do Ban Quản lý cấp. Trường hợp Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) không do Ban Quản lý cấp, doanh nghiệp phải nộp bản sao có chứng thực.

\* 01 bản chính Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

\* 01 bản chính Biên bản họp Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp liên doanh;



Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc văn bản thống nhất của các nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp có nhiều nhà đầu tư nước ngoài) hoặc của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc đồng ý đăng ký lại doanh nghiệp và thông qua Điều lệ doanh nghiệp (sửa đổi);

\* 01 bản chính Quyết định của chủ hoặc các chủ doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc quyết định của Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài về việc đăng ký lại doanh nghiệp và thông qua Điều lệ doanh nghiệp (sửa đổi);

\* 01 bản sao có chứng thực Giấy tờ chứng thực của các cá nhân và pháp nhân là thành viên doanh nghiệp sau khi đăng ký lại và của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sau khi đăng ký lại, cụ thể:

+ Đối với pháp nhân: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác (trường hợp là tổ chức nước ngoài thì bản sao phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ).

+ Đối với cá nhân:

Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực của một trong số các loại giấy tờ còn hiệu lực sau đây:

- Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam.

- Hộ chiếu Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

- Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

\* 01 bản sao Báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm đăng ký lại. Trường

hợp doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm đăng ký lại thì không phải nộp thành phần này.

\* Các tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (01 bộ gốc, 02 bộ copy). Trường hợp có nội dung thẩm tra cần xin ý kiến các Bộ, ngành hoặc phải trình Thủ tướng Chính phủ: 10 bộ (01 bộ gốc, 09 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết:

\* Trường hợp không lấy ý kiến các Bộ, ngành: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (Doanh nghiệp).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư (Phụ lục I-13, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần (Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục II-1, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

\* Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần (Phụ lục II-2, Thông tư số

01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Phí, Lệ phí (không có quy định): Không có

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản Thông báo (trong trường hợp không cấp được Giấy chứng nhận đầu tư).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Đầu tư năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/8/2013.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2006.

\* Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/6/2010.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2008.

\* Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014.

\* Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2014.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 19/10/2006.

\* Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2013.

**Mẫu Bản đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư**

*(Phụ lục I-13, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ LẠI DOANH NGHIỆP VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đang thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư (số, ngày, nơi cấp)

Đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư với nội dung sau:

*(Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây)*

**I. Nội dung đăng ký lại doanh nghiệp**

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có)

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:

[10] 7. Vốn pháp định:

**II. Nội dung dự án đầu tư:**

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động của dự án:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Các nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**[20] **Hồ sơ kèm theo:**

**Mẫu Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**  
(Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

## Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần

(Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông		.....			
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

**Mẫu Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên**

*(Phụ lục II-1, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú <sup>3</sup>
									Giá trị phần vốn góp <sup>1</sup> (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn <sup>2</sup>			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>4</sup>*

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

<sup>2</sup> Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

<sup>3</sup> Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp

<sup>4</sup> Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.



## Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần

(Phụ lục II-2, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)  
hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập	Ghi chú <sup>2</sup>	
									Tổng số cổ phần <sup>1</sup>		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông		...		...					
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	

... .., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.

<sup>2</sup> Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp

<sup>3</sup> Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

## **2. Thủ tục Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006**

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo thành phần quy định tại văn bản này và nộp tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

\* Bước 2: Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và cấp Biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp quy định.

Người đi nộp hồ sơ cần xuất trình giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp. Trường hợp người đi nộp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cần xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

+ Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam;

+ Hộ chiếu Việt Nam, Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

+ Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

Trường hợp người đi nộp là đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp, người đi nộp cần xuất trình thêm Văn bản ủy quyền hợp lệ.

\* Bước 3: Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

\* Bước 4: Doanh nghiệp căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý.

Doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư đã cấp (nếu có) cho Ban Quản lý khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp đồng thời với việc đăng ký lại:

+ 01 bản chính Bản đề nghị đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký (theo mẫu);

+ 01 bản chính Danh sách thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên hoặc công ty hợp danh hoặc Danh sách cổ đông sáng lập của doanh nghiệp sau chuyển đổi (theo mẫu);

+ 01 bản chính Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

+ 01 bản chính Quyết định đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp của chủ hoặc các chủ doanh nghiệp hoặc của Hội đồng quản trị doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần (nội dung chủ yếu Quyết định đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp: Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp chuyển đổi và của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của doanh nghiệp chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi);

+ 01 bản sao Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) đối với trường hợp do Ban Quản lý cấp. Trường hợp Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận

điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) không do Ban Quản lý cấp, doanh nghiệp phải nộp bản sao có chứng thực.

+ 01 bản sao Báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm chuyển đổi. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm chuyển đổi thì không phải nộp thành phần này.

+ Các tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến các nội dung điều chỉnh.

\* Trường hợp Hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp đồng thời với việc đăng ký lại mà có bổ sung thêm thành viên hoặc cổ đông mới thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ còn bao gồm:

+ Đối với thành viên mới là pháp nhân:

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác (trường hợp là tổ chức nước ngoài thì bản sao phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ).

- 01 bản chính Quyết định ủy quyền của pháp nhân thành viên mới cho cá nhân đại diện (trong đó phải có cả nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền).

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc một bản sao có chứng thực của một trong số các loại giấy tờ còn hiệu lực sau đây đối với người đại diện ủy quyền của pháp nhân:

- Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam.

- Hộ chiếu Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

- Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

+ Đối với thành viên mới là cá nhân:

Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc một bản sao có chứng thực của một trong số các loại giấy tờ còn hiệu lực sau đây:

• Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam.

• Hộ chiếu Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

• Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

• Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ gốc, 04 bộ copy). Trường hợp có nội dung thẩm tra cần xin ý kiến các Bộ, ngành hoặc phải trình Thủ tướng Chính phủ: 10 bộ (01 bộ gốc, 9 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết:

\* Trường hợp không lấy ý kiến các Bộ, ngành: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan: 30 ngày làm việc kể từ ngày đủ nhận hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (Doanh nghiệp).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (Phụ lục I-15, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần (Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách thành viên sáng lập Công ty Hợp danh (Phụ lục I-10, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

\* Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục II-1, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

\* Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần (Phụ lục II-2, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

\* Danh sách thành viên Công ty Hợp danh (Phụ lục II-3, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp).

- Phí, Lệ phí (không có quy định): không có.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản Thông báo (trong trường hợp không cấp được Giấy chứng nhận đầu tư).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Đầu tư năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/8/2013.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2006.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2008.

\* Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/6/2010.

\* Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm

---

2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014.

\* Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2014.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 19/10/2006.

\* Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2013.

**Mẫu Bản đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp**

(Phụ lục I-15, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đang thực hiện dự án đầu tư.....theo Giấy phép đầu tư (số, ngày, nơi cấp)

Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp với nội dung sau:

(Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây)

**I. Đăng ký chuyển đổi doanh nghiệp**

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (nếu có)

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:

[10] 7. Vốn pháp định:

**II. Đăng ký lại dự án đầu tư**

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Các nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**



**Mẫu Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**

*(Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

**Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần**

*(Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)*

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông		.....			
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

## Mẫu Danh sách thành viên sáng lập Công ty hợp danh

(Phụ lục I-10, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

**Mẫu Danh sách thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên**

*(Phụ lục II-1, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú <sup>3</sup>
									Giá trị phần vốn góp <sup>1</sup> (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn <sup>2</sup>			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>4</sup>*

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

<sup>2</sup> Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

<sup>3</sup> Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp

<sup>4</sup> Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

## Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần

(Phụ lục II-2, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp									Chữ ký của cổ đông sáng lập	Ghi chú <sup>2</sup>	
									Tổng số cổ phần <sup>1</sup>		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần								Thời điểm góp vốn
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông		...		...				
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.

<sup>2</sup> Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp

<sup>3</sup> Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

### Mẫu Danh sách thành viên Công ty hợp danh

(Phụ lục II-3, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp)

#### DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú <sup>2</sup>
										Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ) <sup>1</sup>	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

<sup>2</sup> Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp

<sup>3</sup> Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

**3. Thủ tục Đăng ký đổi Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh của Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2006.**

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo thành phần quy định tại văn bản này và nộp tại Tổ Tiếp nhận và Trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý). Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

\* Bước 2: Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và cấp Biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp quy định.

Người đi nộp hồ sơ cần xuất trình giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp. Trường hợp người đi nộp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cần xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

+ Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam;

+ Hộ chiếu Việt Nam, Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ chứng minh người gốc Việt Nam ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

+ Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

Trường hợp người đi nộp là đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp, người đi nộp cần xuất trình thêm Văn bản ủy quyền hợp lệ.

\* Bước 3: Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận

được hồ sơ hợp lệ; Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

\* Bước 4: Doanh nghiệp căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý.

Doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư đã cấp (nếu có) cho Ban Quản lý khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

\* 01 bản chính Bản đề nghị đổi Giấy phép đầu tư do các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh ký (theo mẫu);

\* 01 bản chính Hợp đồng hợp tác kinh doanh sửa đổi (nếu có nội dung sửa đổi);

\* 01 bản sao Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) đối với trường hợp do Ban Quản lý cấp. Trường hợp Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có) không do Ban Quản lý cấp, doanh nghiệp phải nộp bản sao có chứng thực.

\* Các tài liệu mà pháp luật quy định tương ứng với nội dung đề nghị điều chỉnh (trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh).

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (01 bộ gốc, 02 bộ copy). Trường hợp có nội dung thẩm tra cần xin ý kiến các Bộ, ngành hoặc phải trình Thủ tướng Chính phủ: 10 bộ (01 bộ gốc, 9 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết:

\* Trường hợp không lấy ý kiến các Bộ, ngành: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.



\* Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (Các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-14, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Phí, Lệ phí (không có quy định): Không có.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản Thông báo (trong trường hợp không cấp được Giấy chứng nhận đầu tư).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Đầu tư năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/8/2013.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2006.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2008.

\* Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014.

\* Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2014.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 19/10/2006.

**Mẫu Bản đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư**

*(Phụ lục I-15, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/10/2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01]

**Kính gửi:**

[02] Các Bên hợp doanh:

Đang thực hiện dự án đầu tư..... theo Giấy phép đầu tư (số, ngày, nơi cấp)

Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung sau:

*(Ghi nội dung liên quan quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép điều chỉnh đã cấp hoặc các đề nghị điều chỉnh, bổ sung nếu có trong các mục dưới đây)*

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động của dự án:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**8. Các nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**[20] **Hồ sơ kèm theo:**

## II. Lĩnh vực môi trường

### 1. Thủ tục Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Chủ cơ sở có cơ sở thuộc đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 05/6/2011 thuộc đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết (có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường) được quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (gọi tắt là Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT) bao gồm:

a) Cơ sở không có một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường;

b) Cơ sở đã có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung (trước ngày Nghị định số 29/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) hoặc thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP) nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

c) Cơ sở đã có quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

d) Cơ sở đã có một trong các văn bản: Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận

đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung, văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

đ) Cơ sở đã có quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

e) Cơ sở đã khởi công và đang trong giai đoạn chuẩn bị (chuẩn bị mặt bằng), đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị và đang trong giai đoạn thi công xây dựng nhưng chưa có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

\* Bước 2:

a) Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

- + Nếu hồ sơ đầy đủ: Nhận và cấp giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả cho cơ sở.
- + Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

b) Phòng Quản lý Môi trường (Ban Quản lý) rà soát tính hợp lệ, nội dung của đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

+ Trường hợp nội dung đề án không đúng quy định, trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ chủ cơ sở, Phòng Quản lý Môi trường có văn bản thông báo và chuyển trả hồ sơ để chủ cơ sở hoàn thiện.

+ Trường hợp nội dung đề án đúng quy định: tiến hành Bước 3.

\* Bước 3: Phòng Quản lý Môi trường đề xuất thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra thực tế công tác bảo vệ môi trường của cơ sở theo quyết định thành lập đoàn kiểm tra (bắt buộc), đo đạc lấy mẫu phân tích để kiểm chứng số liệu (nếu cần thiết) và lập biên bản kiểm tra; lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đến đề án bảo vệ môi trường chi tiết (nếu cần thiết).

\* Bước 4: Phòng Quản lý Môi trường tổng hợp, xử lý kết quả kiểm tra thực tế, ý kiến chuyên gia, cơ quan liên quan và thông báo kết quả thẩm định (chỉ một lần duy nhất) bằng văn bản cho chủ cơ sở.

\* Bước 5: Chủ cơ sở nộp lại hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã chỉnh

sửa/không chỉnh sửa theo thông báo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định (chỉ một lần duy nhất). Trường hợp Đề án bảo vệ môi trường chi tiết không được thông qua, Chủ cơ sở phải lập lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết và gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt để thẩm định lại.

\* Bước 6: Phòng Quản lý Môi trường nhận hồ sơ đề án bảo vệ môi trường chi tiết chỉnh sửa/không chỉnh sửa và kèm theo văn bản giải trình (trường hợp có chỉnh sửa) về việc chỉnh sửa, bổ sung đề án của cơ sở để xem xét, trình phê duyệt.

\* Bước 7: Chủ cơ sở hoặc cá nhân được uỷ quyền (có giấy giới thiệu kèm theo) đến tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý nhận kết quả đã được chứng thực.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Tổ tiếp nhận và trả kết quả), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Một (01) văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư 01/2012/TT-BTNMT;

\* Năm (05) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết được đóng thành quyển, có bìa và trang phụ bìa theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư 01/2012/TT-BTNMT và một (01) bản được ghi trên đĩa CD;

\* Một trong các văn bản sau: dự án đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ sở hoặc văn bản tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư (chỉ yêu cầu đối với cơ sở đã khởi công và đang trong giai đoạn chuẩn bị (chuẩn bị mặt bằng), đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị và đang trong giai đoạn thi công xây dựng nhưng chưa có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

+ Thời gian thẩm định: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian mà chủ cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định trong quá trình thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

+ Thời hạn phê duyệt: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề án bảo vệ môi

trường chi tiết đã hoàn chỉnh theo thông báo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Phụ lục 3, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

\* Mẫu bìa và trang phụ bìa của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

\* Cấu trúc và nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt được đóng thành quyển có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 05/6/2011.

\* Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2014.

\* Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, có hiệu lực kể từ ngày 02/5/2012.

\* Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2014.

\* Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trong các khu chế xuất và khu công nghiệp.



## **Phụ lục 2**

### **Cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

## **MỤC LỤC**

### **DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

Liệt kê đầy đủ các từ ngữ được viết tắt, các ký hiệu được sử dụng trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết kèm theo tên đầy đủ của từng từ ngữ, từng ký hiệu.

### **DANH MỤC BẢNG/BIỂU**

Liệt kê chính xác mã số, tên gọi của tất cả các bảng/biểu đã được tạo lập và thể hiện trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết kèm theo chỉ dẫn số trang của từng bảng/biểu.

### **DANH MỤC HÌNH**

Liệt kê chính xác mã số, tên gọi của tất cả các hình (bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, ảnh và các hình vẽ khác) đã được tạo lập và thể hiện trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết kèm theo chỉ dẫn số trang hoặc mã số phụ lục.

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Việc thành lập và tình trạng hiện tại của cơ sở**

- Tóm tắt quá trình thành lập cơ sở: Cơ sở được thành lập theo quyết định của ai/cấp nào, số và ngày của văn bản hay quyết định thành lập; có hay không có đăng ký đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của văn bản đăng ký; có hay không được cấp giấy chứng nhận đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư, các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Nêu rõ việc thành lập cơ sở có phù hợp với các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt hay không (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, các quy hoạch liên quan khác), có phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn hay không.

- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khu kinh tế, khu/cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu/cụm sản xuất/kinh doanh/dịch vụ tập trung khác) thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Nêu rõ tình trạng hiện tại của cơ sở (thuộc loại nào theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này).

## **2. Căn cứ để lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

### **2.1. Căn cứ về pháp lý**

Liệt kê đầy đủ các văn bản sau đây (số, ngày ban hành, cơ quan ban hành, nội dung trích yếu của văn bản):

- Văn bản là căn cứ lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kể cả các tiêu chuẩn về môi trường còn hiệu lực thi hành, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

- Văn bản của ban quản lý khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung chấp thuận cho cơ sở đầu tư vào khu này (trường hợp địa điểm của cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung).

### **2.2. Căn cứ về thông tin**

Liệt kê các tài liệu (tên, tác giả, xuất xứ thời gian, nơi xuất bản hoặc nơi lưu giữ) có những thông tin, số liệu được sử dụng cho việc lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

## **3. Tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết của chủ cơ sở; trường hợp có thuê tư vấn thì nêu rõ: Tên đơn vị tư vấn kèm theo địa chỉ liên hệ, họ và tên người đứng đầu đơn vị tư vấn và phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

- Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, bao gồm người của cơ sở và của đơn vị tư vấn kèm theo chỉ dẫn về học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo của từng người.

## **Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT CƠ SỞ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ QUA CỦA CƠ SỞ**

### **1.1. Tên của cơ sở**

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường chi tiết này).

### **1.2. Chủ cơ sở**

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

### **1.3. Vị trí địa lý của cơ sở**

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính; tọa độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở (nếu có).

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh cách ranh giới của cơ sở ít nhất hai (02) km (sông, suối, ao, hồ và các vực nước khác; vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên khác; hệ thống giao thông thủy, bộ đi đến cơ sở; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các

điểm dân cư, bệnh viện, trường học, nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng và các đối tượng kinh tế - xã hội khác).

- Chỉ dẫn địa điểm đang và sẽ xả nước thải của cơ sở và chỉ dẫn mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành (trường hợp có nước thải).

**Yêu cầu:** Phải có ít nhất một (01) bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

#### **1.4. Các hạng mục xây dựng của cơ sở**

##### **Yêu cầu:**

a) Các hạng mục xây dựng của cơ sở cần được chia thành 3 nhóm sau đây:

- Nhóm các hạng mục về kết cấu hạ tầng, như: Đường giao thông, bến cảng, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, các kết cấu hạ tầng khác;

- Nhóm các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, như: Văn phòng làm việc, nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, bãi tập kết nguyên liệu; các hạng mục liên quan khác;

- Nhóm các hạng mục về bảo vệ môi trường, như: Quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nơi lưu giữ, nơi trung chuyển, nơi xử lý, nơi chôn lấp); xử lý nước thải; xử lý khí thải; chống ồn, rung; chống xói lở, xói mòn, sụt, lún, trượt, lở đất; chống úng, ngập nước; các hạng mục về bảo vệ môi trường khác.

b) Cần liệt kê tất cả các hạng mục đã xây dựng kèm theo sơ đồ tổng mặt bằng minh họa rõ ràng cho từng hạng mục trong đó liệt kê các hạng mục đã xây dựng xong; các hạng mục đang và sẽ xây dựng kèm theo mô tả cách thức/công nghệ thi công, khối lượng thi công, tiến độ thi công đối với từng hạng mục.

#### **1.5. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở**

- Quy mô/công suất thiết kế tổng thể, thiết kế cho từng giai đoạn (nếu có) của cơ sở.

- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; dự kiến đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động (đối với cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này); thời điểm dự kiến đóng cửa hoạt động của cơ sở.

#### **1.6. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở**

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

#### **1.7. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất/kinh doanh/dịch vụ của cơ sở**

##### **1.7.1. Máy móc, thiết bị**

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành; đang và

sẽ lắp đặt (đối với cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này) với chỉ dẫn cụ thể về: Tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu).

### ***1.7.2. Nguyên liệu, nhiên liệu***

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: Tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

### ***1.7.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác***

Nêu cụ thể khối lượng điện, nước và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

## **1.8. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho việc xử lý môi trường của cơ sở**

### ***1.8.1. Máy móc, thiết bị***

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành; đang và sẽ lắp đặt (đối với cơ sở chưa có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn môi trường (nếu có) và cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này) với chỉ dẫn cụ thể về: Tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu).

### ***1.8.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu***

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, kể cả các hóa chất (nếu có) đã, đang và sẽ sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: Tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

### ***1.8.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác***

Nêu cụ thể khối lượng điện, nước và các vật liệu khác đã, đang và sẽ sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

***Yêu cầu:*** Đối với Mục 1.7 và 1.8, cần có cam kết rằng tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu nêu trên đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

## **1.9. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua**

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở từ giai đoạn chuẩn bị (giải phóng mặt bằng) đến thời điểm lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Lý do đã không lập báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường trước đây.

- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt khác về môi trường (nếu có).

- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

**Yêu cầu:** Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.

## **Chương 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ/XỬ LÝ**

### **2.1. Nguồn chất thải rắn thông thường**

### **2.2. Nguồn chất thải lỏng**

### **2.3. Nguồn chất thải khí**

### **2.4. Nguồn chất thải nguy hại**

**Yêu cầu:** Đối với các loại chất thải rắn, lỏng và khí phải:

- Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số theo Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của từng thông số và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm.

- Tính toán tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của toàn bộ cơ sở trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm; trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

- Mô tả quy trình quản lý, xử lý chất thải.

- Mô tả hình thức xử lý (tự xử lý, thuê xử lý), công nghệ và biện pháp xử lý:

• Trường hợp tự xử lý, phải mô tả công nghệ và biện pháp xử lý, đặc trưng của chất thải trước và sau xử lý, hiệu quả xử lý, kết quả đạt được và so sánh kết quả với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

• Trường hợp thuê xử lý (đối với chất thải rắn, chất thải lỏng), phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng chính thức, hợp đồng nguyên tắc (đối với công trình dự kiến sẽ xây dựng) về việc thuê xử lý, sao và đính bản sao hợp đồng này ở phần phụ lục của bản đề án.

### **2.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung**

- Mô tả rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Mô tả biện pháp xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của biện pháp trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

### **2.6. Các vấn đề môi trường, vấn đề kinh tế - xã hội do cơ sở tạo ra không liên quan đến chất thải**

- Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: Xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, và các vấn đề môi trường khác không liên quan

đến chất thải; giải pháp/biện pháp xử lý từng vấn đề xảy ra, đánh giá hiệu quả và mức độ đạt được của giải pháp/biện pháp này so với các quy định hiện hành (nếu có).

- Mô tả các vấn đề kinh tế - xã hội do cơ sở tạo ra (nếu có) liên quan đến hoạt động giải phóng mặt bằng (đền bù/bồi thường, tái định canh, tái định cư và các hoạt động khác liên quan đến việc giải phóng mặt bằng); giải pháp/biện pháp xử lý từng vấn đề xảy ra, đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của giải pháp/biện pháp này so với các quy định hiện hành (nếu có).

**Yêu cầu:** Việc trình bày, mô tả của các mục từ 2.1 đến 2.6 phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại.
- Giai đoạn vận hành/hoạt động trong tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có).
- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành/hoạt động toàn bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này).
- Giai đoạn thi công xây dựng hạng mục về quản lý/xử lý môi trường và vận hành/hoạt động toàn bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường); và
- Giai đoạn đóng cửa hoạt động (nếu có).

### **Chương 3. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

(Chương 3 này chỉ áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này)

#### **3.1. Kế hoạch xây dựng**

**3.1.1. Các công trình xử lý toàn phần** (từ khâu tiếp nhận chất thải đầu vào đến khâu thải chất thải ra môi trường)

3.1.1.1. Công trình xây dựng tổng thể

3.1.1.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)

**3.1.2. Các công trình xử lý trung gian** (chỉ xử lý mang tính trung gian, sau đó chất thải tiếp tục được đưa đến xử lý tiếp theo tại cơ sở xử lý khác) - nếu có

3.1.2.1. Công trình xây dựng tổng thể

3.1.2.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)

**Yêu cầu:** Đối với từng công trình cần chỉ rõ:

- Tiến độ thực hiện (bắt đầu, hoàn thành).
- Kinh phí dự kiến.
- Trách nhiệm thực hiện.

**3.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**3.2.1. Các công trình xử lý toàn phần**

3.2.1.1. Công trình xây dựng tổng thể

3.2.1.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)

**3.2.2. Các công trình xử lý trung gian (nếu có)**

3.2.2.1. Công trình xây dựng tổng thể

3.2.2.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)

**Yêu cầu:** Đối với mỗi công trình cần nêu rõ các nội dung sau đây:

- Số lần thử nghiệm (số lần phải đảm bảo đủ để đánh giá về tính đại diện và ổn định của kết quả thử nghiệm, nhưng không được ít hơn 03 lần), thời gian dự kiến của từng lần thử nghiệm.

- Thông số đo đạc, phân tích trong mỗi lần thử nghiệm (phải đảm bảo đủ các thông số đặc trưng cho chất thải của cơ sở và đã được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng).

- Tiến độ thời gian thực hiện.

**Chương 4. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM**

**4.1. Kế hoạch quản lý chất thải**

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hằng năm (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
Chuẩn bị						
Thi công xây dựng						
Vận hành						
Đóng cửa hoạt động						

**4.2. Kế hoạch quản lý các vấn đề môi trường không liên quan đến chất thải**

Giai đoạn của cơ sở	Vấn đề môi trường	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hằng năm (triệu đồng)	Trách nhiệm thực hiện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Chuẩn bị				
Thi công xây dựng				
Vận hành				
Đóng cửa hoạt động				

**4.3. Kế hoạch ứng phó sự cố**

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó	Trách nhiệm thực hiện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
Chuẩn bị			
Thi công xây dựng			
Vận hành			
Đóng cửa hoạt động			

**4.4. Kế hoạch quan trắc môi trường**

Giai đoạn của cơ sở	Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc (mã số, địa danh, tọa độ)	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Kinh phí dự kiến	Trách nhiệm thực hiện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
Chuẩn bị						



<b>Thi công xây dựng</b>						
<b>Vận hành</b>						
<b>Đóng cửa hoạt động</b>						

**Yêu cầu:***a) Mục 4.1, Mục 4.2, Mục 4.3 và Mục 4.4*

*Đối với giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thi công xây dựng chỉ áp dụng đối với cơ sở có kế hoạch, dự kiến xây dựng công trình và cơ sở quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này.*

*b) Mục 4.4:*

*- Đối với chất thải: Chỉ quan trắc các thông số đặc trưng cho chất thải của cơ sở và đã được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng với tần suất theo quy định hiện hành về quan trắc môi trường, trường hợp chưa có quy định thì phải quan trắc ít nhất ba (03) tháng/lần.*

*- Đối với môi trường xung quanh: Chỉ quan trắc ở những nơi chưa có điểm quan trắc của cơ quan nhà nước với tần suất theo quy định hiện hành về quan trắc môi trường, trường hợp chưa có quy định thì phải quan trắc ít nhất sáu (06) tháng/lần.*

*- Từng điểm quan trắc phải được thể hiện trên bản đồ hoặc sơ đồ minh họa.*

**Chương 5. THAM VẤN Ý KIẾN****5.1. Văn bản của chủ cơ sở gửi Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Nêu rõ số và ngày của văn bản của chủ cơ sở gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Nêu rõ tổng số xã thuộc địa bàn của cơ sở.

**5.2. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Nêu rõ số và ngày của văn bản trả lời của từng Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Nêu tóm tắt những ý kiến chính của Ủy ban nhân dân cấp xã, đặc biệt lưu ý đến những ý kiến không tán thành, những đề xuất, những kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

*- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không có văn bản trả lời thì phải nêu rõ bằng chứng về việc chủ cơ sở đã gửi văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã (giấy biên nhận trực tiếp của cấp xã hoặc giấy biên nhận của bưu điện nơi gửi hoặc bằng chứng khác).*

**5.3. Ý kiến phản hồi của chủ cơ sở**

- Nhận xét về tính sát thực, khách quan của các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cơ sở.

- Bày tỏ sự phản hồi, tiếp thu của chủ cơ sở đối với các ý kiến không tán thành, các đề xuất, các kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý tiếp theo.

**Yêu cầu:** Các văn bản tham vấn ý kiến, giấy tờ là bằng chứng của chủ cơ sở; văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các văn bản liên quan khác (nếu có) phải được sao và đính kèm ở phần phụ lục của đề án, chỉ dẫn rõ các bản sao này đã được đính kèm ở phụ lục cụ thể nào của đề án.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng được hết các dòng chất thải và tính toán được hết các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được hết các vấn đề về môi trường và xã hội không liên quan đến chất thải hay chưa; nếu chưa thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

- Các loại chất thải, các vấn đề về môi trường do cơ sở tạo ra có thể được xử lý đạt yêu cầu quy định hay không; trường hợp không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

- Có đủ khả năng đề ứng phó hiệu quả với tình trạng ô nhiễm môi trường khi các sự cố xảy ra hay không; nếu không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### **3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải, xử lý các vấn đề môi trường, kế hoạch quản lý môi trường.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

## **PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1: Các văn bản liên quan**

***Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở***

***Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường*** (nếu có)

***Phụ lục 1.3. Bản sao các văn bản về tham vấn ý kiến***

---

**Phụ lục 1.4. Bản sao các phiếu kết quả phân tích thí nghiệm về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)**

**Phụ lục 1.5. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)**

**Phụ lục 2: Các hình, ảnh minh họa (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)**

**Yêu cầu:** Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.

**Phụ lục 3**

**Mẫu văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v thẩm định và phê duyệt đề  
 án bảo vệ môi trường chi tiết  
 của...(2)...

**Kính gửi: ... (3)...**

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến ...(3)... năm (05) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị ...(3)... sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết này.

Xin trân trọng cảm ơn./..

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

...(5)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (3) Tên cơ quan thẩm quyền thẩm định.
- (4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện.
- (5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (6) Nơi nhận khác (nếu có).

**Phụ lục 4****Mẫu bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)  
(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

**ĐỀ ÁN  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT  
của ...(1)...**

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP  
CHỦ CƠ SỞ (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**Tháng... năm...**

**Ghi chú:**

(1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở).

(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

## **2. Thủ tục Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản**

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Chủ cơ sở có cơ sở thuộc đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 05/6/2011 thuộc đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản (có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường) được quy định tại Điều 15 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (gọi tắt là Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT) bao gồm:

a) Cơ sở không có một trong các văn bản sau: Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường;

b) Cơ sở đã có một trong các văn bản sau: Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (trước ngày Nghị định số 29/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) hoặc thuộc đối tượng phải lập lại bản cam kết bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP) nhưng không có giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

c) Cơ sở đã có giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (trước ngày Nghị định số 29/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) hoặc thuộc đối tượng phải lập lại bản cam kết bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP) nhưng không có giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

d) Cơ sở đã có giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, khi cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường nhưng không có văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường mà hiện tại đã hoàn thành việc cải tạo, mở rộng, nâng công suất;

đ) Cơ sở đã khởi công và đang trong giai đoạn chuẩn bị (chuẩn bị mặt bằng), đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị và đang trong giai đoạn thi công xây dựng nhưng chưa có văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Bước 2:

a) Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ: Nhận và cấp giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả cho cơ sở.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

b) Phòng Quản lý Môi trường (Ban Quản lý) rà soát tính hợp lệ, nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản:

+ Trường hợp nội dung đề án không đúng quy định, trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ chủ cơ sở, Phòng Quản lý Môi trường có văn bản thông báo và chuyển trả hồ sơ để chủ cơ sở hoàn thiện.

+ Trường hợp nội dung đề án đúng quy định: tiến hành bước 3.

\* Bước 3: Phòng Quản lý Môi trường tổ chức xem xét, đánh giá đề án; trường hợp cần thiết, tổ chức đoàn kiểm tra đến khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở, mời chuyên gia viết nhận xét về đề án; có văn bản thông báo cho chủ cơ sở biết (chỉ một lần duy nhất).

\* Bước 4: Chủ cơ sở nộp lại hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã chỉnh sửa/không chỉnh sửa theo văn bản thông báo của Ban Quản lý. Trường hợp Đề án bảo vệ môi trường đơn giản không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận đăng ký, chủ cơ sở có trách nhiệm lập lại đề án bảo vệ môi trường đơn giản và gửi Ban Quản lý để đăng ký lại.

\* Bước 5: Phòng Quản lý Môi trường nhận hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường đơn giản chỉnh sửa của cơ sở để xem xét, trình xác nhận.

\* Bước 6: Chủ cơ sở hoặc cá nhân được uỷ quyền (có giấy giới thiệu kèm theo) đến tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý nhận kết quả đã được chứng thực.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Một (01) văn bản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT;

\* Năm (05) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản được đóng quyển, có bìa và trang phụ bìa theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT; trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ban Quản lý, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi bổ sung số lượng bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo yêu cầu.

b) Số lượng hồ sơ: một (01) bộ.

- Thời hạn giải quyết: Tối đa hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Thời hạn giải quyết không bao gồm thời gian mà chủ cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thường trực đăng ký trong quá trình xem xét hồ sơ).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận/huyện.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp: không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Văn bản đề nghị xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

\* Cấu trúc và nội dung Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với cơ sở có dự án đầu tư trình cơ quan thẩm quyền xác nhận được đóng thành quyển có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa (Phụ lục 19a) và Cấu trúc và nội dung Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với cơ sở không có dự án



đầu tư và có phát sinh chất thải sản xuất trình cơ quan thẩm quyền xác nhận được đóng thành quyển có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bì (Phụ lục 19b) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

\* Mẫu bì và trang phụ bì của Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

- Lệ phí (nếu có): không có.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 05/6/2011.

\* Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2014.

\* Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, có hiệu lực kể từ ngày 02/5/2012.

\* Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2014.

\* Công văn số 4545/UBND-VP ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Quyết định số 6157/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Công văn số 1057/UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Quyết định số 3679/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Công văn số 1500/UBND-TNMT ngày 20/6/2012 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

\* Quyết định số 1654/QĐ-UBND-TNMT ngày 19/7/2012 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thực hiện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

**Phụ lục 20****Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

V/v xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của  
...(2)...

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến Ủy ban nhân dân ...(3)... năm (05) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý Ủy ban sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

...(5)...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (3) Tên đơn vị hành chính cấp huyện.
- (4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện
- (5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (6) Nơi nhận khác (nếu có).

**Phụ lục 19a****Cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản  
đối với cơ sở có dự án đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

**MỤC LỤC****DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT****MỞ ĐẦU**

- Cơ sở được thành lập theo quyết định của ai/cấp nào, số và ngày của văn bản hay quyết định thành lập; số và ngày của văn bản đăng ký đầu tư (nếu có); số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Việc thành lập cơ sở có phù hợp với các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt hay không (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, các quy hoạch liên quan khác), có phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn hay không.

- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Nêu rõ tình trạng hiện tại của cơ sở (thuộc loại nào theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư này).

**Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT CƠ SỞ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ QUA CỦA CƠ SỞ****1.1. Tên của cơ sở**

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường này).

**1.2. Chủ cơ sở**

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hòm thư điện tử).

**1.3. Vị trí địa lý của cơ sở**

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính; tọa độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở (nếu có).

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh cách ranh giới của cơ sở ít nhất một (01) km (sông, suối, ao, hồ và các vực nước khác; vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên khác; hệ thống giao thông thủy, bộ đi đến cơ sở; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các điểm dân cư, bệnh viện, trường học, nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng và các đối tượng kinh tế - xã hội khác).

**Yêu cầu:** Phải có ít nhất một (01) bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

#### **1.4. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở**

- Quy mô/công suất.

- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; dự kiến đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động (đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

#### **1.5. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở**

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

#### **1.6. Máy móc, thiết bị**

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành; đang và sẽ lắp đặt (đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này) với chỉ dẫn cụ thể về: Tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu).

#### **1.7. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu**

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: Tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

Nêu cụ thể khối lượng điện, nước và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

#### **1.8. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua**

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở từ giai đoạn chuẩn bị (giải phóng mặt bằng) đến thời điểm lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

- Lý do đã không lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường trước đây.

- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt khác về môi trường (nếu có).

- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

**Yêu cầu:** Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.

## **Chương 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ/XỬ LÝ**

### **2.1. Nguồn chất thải rắn thông thường**

### **2.2. Nguồn chất thải lỏng**

### **2.3. Nguồn chất thải khí**

### **2.4. Nguồn chất thải nguy hại**

**Yêu cầu:** Đối với các loại chất thải rắn, lỏng và khí phải:

- Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số theo Tiêu chuẩn môi trường hoặc quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của từng thông số và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm.

- Tính toán tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của toàn bộ cơ sở trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm; trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

- Mô tả quy trình quản lý, xử lý chất thải.

- Mô tả hình thức xử lý (tự xử lý, thuê xử lý), công nghệ và biện pháp xử lý:

• Trường hợp tự xử lý, phải mô tả công nghệ và biện pháp xử lý, đặc trưng của chất thải trước và sau xử lý, hiệu quả xử lý, kết quả đạt được và so sánh kết quả với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

• Trường hợp thuê xử lý (đối với chất thải rắn, chất thải lỏng), phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng chính thức, hợp đồng nguyên tắc (đối với công trình dự kiến sẽ xây dựng) về việc thuê xử lý, sao và đính bản sao hợp đồng này ở phần phụ lục của bản đề án.

### **2.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung**

- Mô tả rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Mô tả biện pháp xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của biện pháp trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

### **2.6. Các vấn đề môi trường, vấn đề kinh tế - xã hội do cơ sở tạo ra không liên quan đến chất thải**

Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: Xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường khác không liên quan

đến chất thải; giải pháp/biện pháp xử lý từng vấn đề xảy ra, đánh giá hiệu quả và mức độ đạt được của giải pháp/biện pháp này so với các quy định hiện hành (nếu có).

**Yêu cầu:** Việc trình bày, mô tả của các mục từ 2.1 đến 2.6 phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại;
- Giai đoạn vận hành/hoạt động trong tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có);
- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành/hoạt động toàn bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này);
- Giai đoạn thi công xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành/hoạt động toàn bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường).

### Chương 3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

#### 3.1. Kế hoạch quản lý chất thải

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hàng năm (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
Chuẩn bị						
Thi công xây dựng						
Vận hành						

#### 3.2. Kế hoạch quản lý các vấn đề môi trường không liên quan đến chất thải

Giai đoạn của cơ sở	Vấn đề môi trường	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hàng năm (triệu đồng)	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4	5
Chuẩn bị				

<b>Thi công xây dựng</b>				
<b>Vận hành</b>				

### 3.3. Kế hoạch ứng phó sự cố

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó	Trách nhiệm thực hiện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
<b>Chuẩn bị</b>			
<b>Thi công xây dựng</b>			
<b>Vận hành</b>			

### 3.4. Kế hoạch quan trắc môi trường

Giai đoạn của cơ sở	Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc (mã số, địa danh, tọa độ)	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Kinh phí dự kiến	Trách nhiệm thực hiện
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
<b>Chuẩn bị</b>						
<b>Thi công xây dựng</b>						
<b>Vận hành</b>						

#### Yêu cầu:

a) Mục 3.1, Mục 3.2, Mục 3.3 và Mục 3.4

Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng chỉ áp dụng đối với cơ sở có kế hoạch, dự kiến xây dựng công trình và cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này.

b) Mục 3.4:

- Đối với chất thải: Chỉ quan trắc các thông số đặc trưng cho chất thải của cơ sở và đã được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng với tần suất theo quy định hiện hành về quan trắc môi trường, trường hợp chưa có quy định thì phải quan trắc ít nhất ba (03) tháng/lần.



- Đối với môi trường xung quanh: Chỉ quan trắc ở những nơi chưa có điểm quan trắc của cơ quan nhà nước với tần suất theo quy định hiện hành về quan trắc môi trường, trường hợp chưa có quy định thì phải quan trắc ít nhất sáu (06) tháng/lần.

- Từng điểm quan trắc phải được thể hiện trên bản đồ hoặc sơ đồ minh họa.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng được hết các dòng chất thải và tính toán được hết các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được hết các vấn đề về môi trường và xã hội không liên quan đến chất thải hay chưa; nếu chưa thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

- Các loại chất thải, các vấn đề về môi trường và xã hội do cơ sở tạo ra có thể được xử lý đạt yêu cầu quy định hay không; trường hợp không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

- Có đủ khả năng để ứng phó hiệu quả với tình trạng ô nhiễm môi trường khi các sự cố xảy ra hay không; nếu không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết tiếp theo.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### **3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải, xử lý các vấn đề môi trường, kế hoạch quản lý môi trường.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

## **PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1: Các văn bản liên quan**

*Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở*

*Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường (nếu có)*

*Phụ lục 1.3. Bản sao các phiếu kết quả phân tích thí nghiệm về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)*

*Phụ lục 1.4. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)*

**Phụ lục 2. Các hình, ảnh minh họa (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)**

*Yêu cầu:* Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.

**Phụ lục 19b****Cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với cơ sở không có dự án đầu tư và có phát sinh chất thải sản xuất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

**MỤC LỤC****MỞ ĐẦU**

- Cơ sở được thành lập trên cơ sở giấy phép kinh doanh/đăng ký kinh doanh nào, số và ngày của văn bản đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục).
- Nêu rõ tình trạng hiện tại của cơ sở (thuộc loại nào theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

**Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT CƠ SỞ****1.1. Tên của cơ sở**

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở

**1.2. Chủ cơ sở**

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hòm thư điện tử).

**1.3. Vị trí địa lý của cơ sở**

Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên.

**1.4. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở**

- Quy mô/công suất.
- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; dự kiến đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động (đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

**Chương 2. NGUỒN CHẤT THẢI VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ/XỬ LÝ****2.1. Nguồn chất thải rắn thông thường****2.2. Nguồn chất thải lỏng****2.3. Nguồn chất thải khí****2.4. Nguồn chất thải nguy hại (nếu có)**

**Yêu cầu:** Đối với các loại chất thải rắn, lỏng và khí: Liệt kê nguồn phát sinh chất thải, tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của từng nguồn và của cả cơ sở trong một ngày đêm (24 giờ); biện pháp quản lý, xử lý.

## **2.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung**

Liệt kê các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, mức độ; biện pháp xử lý.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

- Các vấn đề có liên quan đến chất thải, các vấn đề không liên quan đến chất thải có nghiêm trọng không, có thể chủ động xử lý được không? trường hợp không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết.

- Có đủ khả năng giải quyết các vấn đề về chất thải và các vấn đề môi trường khác không; nếu không thì nêu rõ lý do và đề xuất hướng giải quyết.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### **3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường đơn giản, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

## **PHỤ LỤC**

- Các văn bản liên quan.
- Các hình vẽ, hình ảnh (nếu có).

**Phụ lục 21****Mẫu bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường đơn giản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)  
(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

**ĐỀ ÁN**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN**  
của ...(1)...

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP  
CHỦ CƠ SỞ (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**Tháng... năm...**

Ghi chú:

- (1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở).  
(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

### **3. Thủ tục Xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

- Trình tự thực hiện:

\* Bước 1: Chủ cơ sở nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 phút).

\* Bước 2:

a) Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ: Nhận và cấp giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả cho Cơ sở.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

b) Phòng Quản lý Môi trường (Ban Quản lý) xem xét nội dung hồ sơ việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

+ Trường hợp nội dung hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ chủ cơ sở, Phòng Quản lý Môi trường có văn bản thông báo và chuyển trả hồ sơ để chủ cơ sở hoàn thiện.

+ Trường hợp nội dung hồ sơ đúng quy định: Tiến hành bước 3.

\* Bước 3: Phòng Quản lý Môi trường đề xuất thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức đoàn kiểm tra các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của cơ sở. Sau khi hoàn thành việc kiểm tra tại cơ sở, đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định.

\* Bước 4: Phòng Quản lý Môi trường báo cáo kết quả kiểm tra và trình Lãnh đạo Ban xem xét cấp/không cấp Giấy xác nhận hoàn thành.

\* Bước 5: Chủ dự án hoặc cá nhân được ủy quyền (có giấy giới thiệu kèm theo) đến tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý nhận kết quả.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Một (01) văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (gọi tắt là Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT);

\* Năm (05) báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

b) Số lượng hồ sơ: một (01) bộ.

- Thời hạn giải quyết: Hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian mà chủ cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở đã thực hiện các nội dung của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết (Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

\* Mẫu báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT).

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

\* Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 05/6/2011.

\* Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2014.

\* Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, có hiệu lực kể từ ngày 02/5/2012.

\* Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2014.

\* Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trong các khu chế xuất và khu công nghiệp.



**Phụ lục 11**

**Mẫu văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)*

(1)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**Kính gửi: (2)**

Chúng tôi là: (1), Chủ cơ sở của cơ sở (3) (sau đây gọi tắt là Cơ sở), đã được (4) phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện cơ sở: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gồm có:

- 1...
- 2...
- ...

Theo quy định của Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, xin gửi đến quý (2) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được (4) phê duyệt;
- Năm (05) bản báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở;
- Phụ lục (với số lượng bằng với số lượng bản báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết) kèm theo báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, bao gồm các bản sao tài liệu sau (tùy loại hình cơ sở mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

+ Hồ sơ bản vẽ hoàn công các công trình xử lý và bảo vệ môi trường (trường hợp chưa có bản vẽ hoàn công, có thể cung cấp hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Trường hợp chỉ có hồ sơ thiết kế kỹ thuật, cần nêu rõ đã thực hiện đúng như hồ sơ thiết kế kỹ thuật hay không. Nếu có sai khác cần chỉ rõ);

+ Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

+ Các phiếu lấy mẫu và kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

+ Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng (đối với trường hợp cơ sở có phát sinh chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành và không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường);

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng, kèm theo văn bản chứng minh chức năng của đơn vị đó (đối với trường hợp cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành và không có công trình xử lý chất thải nguy hại);

+ Hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận về việc đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải (đối với trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và có phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành);

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu; văn bản chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy cấp cho cơ sở (đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải có các loại văn bản này theo quy định của pháp luật).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị quý (2) kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ... (6) ...
- Lưu: ...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên chủ cơ sở.
- (2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận.
- (3) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (4) Cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
- (5) Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở.
- (6) Nơi nhận khác (nếu có).

**Phụ lục 12****Mẫu báo cáo kết quả việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản)

... (1)...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

V/v báo cáo và đề nghị xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**Kính gửi: ... (2) ...**

... (1) ... xin báo cáo kết quả thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của ... (3) ... (hoặc giai đoạn ... của ... (3) ...) theo kế hoạch xây dựng và vận hành thử nghiệm đã được đề ra trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết, cụ thể như sau:

**1. Vị trí của ... (3) ...: .....****2. Địa chỉ và phương tiện liên hệ của ... (1) ...:**

- Địa chỉ liên hệ theo bưu điện: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

**3. Kết quả vận hành thử nghiệm****3.1. Các công trình xử lý toàn phần****3.1.1. Công trình xây dựng tổng thể****3.1.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)****3.2. Các công trình xử lý trung gian (nếu có)****3.2.1. Công trình xây dựng tổng thể****3.2.2. Công trình xây dựng theo từng giai đoạn/mô-đun (nếu có)****Yêu cầu:****1. Đối với việc thử nghiệm xử lý khí thải, nước thải:**

- Chỉ dẫn rõ: Tên và địa chỉ của đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; thiết bị đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu trong các lần thử nghiệm.

- Kết quả thử nghiệm của từng công trình (toàn phần hoặc trung gian) được trình bày theo bảng sau:

Thông số	Đơn vị tính	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Theo QCVN
1	2	3	4	5
<b>Thử nghiệm lần 1: Ngày ... tháng ... năm .....; Tổng lượng/Lưu lượng .....</b>				
A				

B				
....				
<b>Thử nghiệm lần 2: Ngày ... tháng ... năm .....; Tổng lượng/Lưu lượng .....</b>				
A				
B				
....				
<b>Thử nghiệm lần 3: Ngày ... tháng ... năm .....; Tổng lượng/Lưu lượng .....</b>				
A				
B				
....				

2. Đối với việc thử nghiệm xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Trường hợp tự xử lý: Mô tả quy trình quản lý (thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý); biện pháp, phương tiện, tiện nghi sử dụng trong từng công đoạn của quy trình quản lý.

- Trường hợp thuê xử lý: Mô tả các biện pháp, phương tiện, tiện nghi để thu gom và lưu giữ tạm thời; tên và địa chỉ của đơn vị xử lý thuê; biện pháp, phương tiện thu gom và vận chuyển của đơn vị xử lý thuê; tần suất thu gom của đơn vị xử lý thuê.

4. Những thay đổi so với kế hoạch đã đề ra trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết (nếu có)

5. Đánh giá kết quả thử nghiệm

- Đánh giá về độ tin cậy, mức độ đạt được và tính ổn định của kết quả thử nghiệm xử lý khí thải, xử lý nước thải.

- Đánh giá về mức độ tuân thủ quy định của các biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

6. Hồ sơ kèm theo báo cáo

Chúng tôi xin gửi những hồ sơ, tài liệu có liên quan được đóng thành tập kèm theo báo cáo này.

7. Cam kết và đề nghị

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị ... (2) ... kiểm tra và xác nhận để chúng tôi đưa công trình vào vận hành chính thức./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ... (5) ...
- Lưu: ...

...(4)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên cơ quan có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành.
- (3) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (4) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (5) Nơi nhận khác (nếu có).

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5116/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Quyết định số 76/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Hệ thống tổ chức tìm kiếm cứu nạn của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho các tổ

chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Quyết định số 49/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng Tổng Đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 101/TTr-PCLB ngày 08 tháng 7 năm 2014 và Tờ trình số 138/TTr-PCLB ngày 25 tháng 9 năm 2014; ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 2801/SGTVT-GTT ngày 25 tháng 4 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4826/STP-VB ngày 08 tháng 09 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy

---

Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển  
và trong vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG CHÂM, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN**

### **Điều 1. Mục đích, yêu cầu**

#### **1. Mục đích:**

Nâng cao ý thức tổ chức, sự điều hành thống nhất, chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, đoàn thể và các lực lượng; huy động tổng hợp mọi nguồn lực thuộc các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan; các tổ chức, cá nhân trong khu vực để triển khai nhanh chóng, hiệu quả hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; khẩn trương khắc phục các hậu quả xảy ra, bảo đảm an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, duy trì mọi hoạt động bình thường trên sông (trong kế hoạch này bao gồm cả sông, kênh, rạch; gọi chung là sông), trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Yêu cầu:**

a) Tổ chức trực ban nghiêm túc để tiếp nhận, xử lý thông tin báo nạn kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin thông suốt cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Việc cứu nạn, cứu hộ phải được tiến hành kịp thời bằng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tại chỗ và ưu tiên cho việc cứu người.

c) Quá trình thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ phải đảm bảo an toàn đối với người, phương tiện tham gia cứu nạn, cứu hộ và nạn nhân, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.



d) Sẵn sàng các phương án, kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước trách nhiệm theo tính chất, mức độ vụ việc.

đ) Đảm bảo quản lý chặt chẽ, chính xác số lượng tàu thuyền, thuyền viên và ngư trường hoạt động khai thác, các hàng đăng, sớ - đáy trên sông, biển (vị trí, tọa độ) để kịp thời thông tin, hướng dẫn phòng, tránh thiên tai và chủ động khi xử lý tình huống.

e) Đảm bảo duy trì nghiêm chế độ tinh thị, báo cáo, thông báo theo quy định.

## **Điều 2. Phương châm, nguyên tắc**

1. Quán triệt và thực hiện tốt Phương châm 4 tại chỗ “chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ”.

2. Nguyên tắc xử lý tình huống: “tích cực, chủ động, liên tục, kịp thời, an toàn và hiệu quả”.

## **Chương II**

### **CÔNG TÁC TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ**

#### **Điều 3. Khu vực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

1. Vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vùng sông, cửa sông Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh giáp ranh Thành phố.

3. Vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ.

4. Khu vực thuộc vùng nước cảng biển Thành phố.

#### **Điều 4. Lực lượng tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

Căn cứ vào tình hình thiên tai, tai nạn thực tế xảy ra trên biển, trên sông hoặc trong vùng nước cảng biển; Thành phố sẽ huy động các lực lượng tìm kiếm cứu nạn phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ, trong đó:

- Chỉ huy tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố. Trường hợp sự cố tai nạn do cơ quan Trung ương chủ trì thì Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố chỉ huy các lực lượng của Thành phố để phối hợp lực lượng của Trung ương thực hiện tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Chỉ huy tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khẩn cấp trên sông: Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố.

- Chỉ huy tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố: Cảng vụ Hàng hải Thành phố.

1. Lực lượng tại chỗ:

a) Bộ đội Biên phòng Thành phố:

Đồn Biên phòng Thạnh An, Đồn Biên phòng Cần Thạnh, Đồn Biên phòng Long Hòa và Hải đội 2; Lực lượng Biên phòng Cửa khẩu Cảng Thành phố (Ban Chỉ huy và 07 Trạm Biên phòng cửa khẩu trực thuộc) và theo sự phân công của Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố: chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng và địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các cửa sông khu vực huyện Cần Giờ và vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh; vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ.

b) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố:

Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ trên sông; Phòng Cứu nạn - cứu hộ; Trung tâm Đào tạo và Huấn luyện về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; các Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy quận - huyện và theo sự phân công của Lãnh đạo Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố: chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng và địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khẩn cấp tại các sông trên địa bàn Thành phố.

c) Cảng vụ Hàng hải Thành phố: chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng và địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố.

d) Bộ Tư lệnh Thành phố:

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cần Giờ phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các cửa sông khu vực huyện Cần Giờ và vùng biển Thành phố; vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự các quận - huyện phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các tuyến sông trên địa bàn Thành phố.

đ) Công an Thành phố:

- Chỉ đạo Công an huyện Cần Giờ hỗ trợ các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các tuyến sông khu vực huyện Cần Giờ và vùng biển Thành phố.

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát Đường thủy, Công an các quận - huyện phối hợp, hỗ trợ các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại các tuyến sông, vùng biển Thành phố.

e) Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn:

Sử dụng lực lượng, vật tư, phương tiện hiện có của địa phương; trong trường hợp cần thiết, được quyền huy động, trưng dụng các phương tiện trong nhân dân để tham gia, hỗ trợ các lực lượng chuyên trách thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và vùng nước cảng biển khi xảy ra sự cố trong khu vực thuộc địa bàn quản lý.

*(Đính kèm Phụ lục I: Lực lượng dự kiến huy động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố).*

2. Lực lượng hỗ trợ:

Căn cứ vào tình hình diễn biến thực tế của thiên tai, tai nạn và yêu cầu tăng cường về nhân lực, vật lực; Thành phố đề nghị sự hỗ trợ của các lực lượng sau:

- Trung tâm Phối hợp Tìm kiếm cứu nạn Hàng hải Khu vực III.
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.
- Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho.
- Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III.
- Chi cục Đường thủy nội địa phía Nam.
- Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 10.
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Nam.
- Cảng vụ Đường thủy nội địa (Sở Giao thông vận tải).
- Khu quản lý đường thủy nội địa (Sở Giao thông vận tải).
- Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Lực lượng Hải quân Vùng 2, Cảnh sát biển Vùng 3, Sư đoàn Phòng Không 367, Sư đoàn Không quân 370.

- Bộ đội Biên phòng Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bộ đội Biên phòng Tỉnh Tiền Giang, Hải đoàn 18 Biên phòng.

## **Điều 5. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia cứu nạn, cứu hộ**

### 1. Trạng thái thường xuyên

Bao gồm các phương tiện hoạt động trên biển, trên sông như: phà, tàu tìm kiếm cứu nạn các loại, tàu kéo, ca nô, ghe cứu hộ, xuồng máy. Các phương tiện vận tải trên bộ như: xe tải, xe cứu thương, xe chuyên dùng các loại. Trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ: máy bộ đàm, ống nhòm, phao tròn, phao bè, phao dây, áo phao, nệm phao cứu hộ, đèn pha, bộ dây cứu hộ - cứu nạn chuyên dụng, bộ đồ lặn, bộ đồ chống cháy, máy phát điện, máy khoan cắt bê tông...

*(Đính kèm:*

*- Phụ lục II: Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố.*

*- Phụ lục III: Số lượng và vị trí phương tiện thủy dự kiến huy động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển Thành phố).*

2. Trường hợp khẩn cấp vượt ngoài khả năng của lực lượng tại chỗ của Thành phố:

a) Bộ Tư lệnh Thành phố huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ các đơn vị, địa phương để tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố quyết định việc điều động lực lượng, trưng dụng phương tiện, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị và cá nhân hiện có trên địa bàn để tăng cường lực lượng, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đạt kết quả cao nhất.

c) Trong trường hợp cần thiết, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Thành phố và các tỉnh bạn điều động lực lượng, trực thăng, tàu cứu nạn - cứu hộ... để hỗ trợ.

3. Trường hợp khẩn cấp vượt ngoài khả năng ứng phó của Thành phố:

Trong tình huống công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, các Bộ - ngành và tỉnh bạn điều động lực lượng, phương tiện để hỗ trợ.

Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn sẽ chủ trì, huy động lực lượng, phương tiện theo quy định tại khoản 5, Điều 6 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG**

### **TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ**

#### **Điều 6. Tiếp nhận và xử lý thông tin báo nạn**

Thực hiện đúng theo Chương II, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố; đồng thời tập trung thực hiện các công việc sau đây:

##### 1. Tiếp nhận, lưu thông tin:

##### a) Tiếp nhận thông tin:

Khi nhận được thông tin cấp cứu từ tàu thuyền trên sông, biển, trên các hàng đống, sở - đày, các kênh, rạch, hồ hoặc qua thông báo của các lực lượng hay nhân dân; các đơn vị khi nhận được tin thực hiện các nội dung sau:

- Trường hợp nội dung cuộc gọi phù hợp với chức năng thực hiện của từng đơn vị thì tiến hành thực hiện theo quy trình xử lý nội bộ của đơn vị.

- Trường hợp nội dung cuộc gọi thuộc chức năng xử lý của đơn vị khác thì nhân viên trực Tổng Đài tiến hành chuyển tiếp thông tin cuộc gọi đến đơn vị có trách nhiệm xử lý lĩnh vực chuyên ngành, cụ thể:

+ Tổng Đài điện thoại 113: an ninh trật tự.

+ Tổng Đài điện thoại 114: cứu nạn cứu hộ, phòng cháy chữa cháy.

+ Tổng Đài điện thoại 115: lĩnh vực cấp cứu y tế.

- Cán bộ, nhân viên trực Tổng Đài bằng mọi biện pháp phải duy trì liên lạc với người báo tin và yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết theo các nội dung như sau:

+ Thời gian, vị trí (tọa độ hoặc khu vực) xảy ra tai nạn; trong trường hợp người dân không xác định được tọa độ thì đề nghị xác định phương hướng và khoảng cách tại nơi xảy ra tai nạn với địa danh trên đất liền (gần nơi bị nạn nhất).

+ Lý do bị nạn (gãy trục chân vịt, phá nước, bị phương tiện khác đâm va, gặp lốc xoáy, bị mắc cạn...).

+ Tên phương tiện, thuyền trưởng, số người trên phương tiện hoặc trên hàng đăng, sở - đáy.

+ Điều kiện thời tiết sóng, gió ở hiện trường; những việc chủ tàu hoặc người bị nạn đã thực hiện.

+ Tình trạng thực tế, hậu quả ban đầu (số người bị chết, mất tích, bị thương, số còn lại; số phương tiện bị chìm, hư hỏng, trôi dạt...).

+ Số điện thoại, địa chỉ của người báo tin, thuyền trưởng, chủ tàu, chủ hàng đăng, sở - đáy.

+ Đề nghị của chủ phương tiện, chủ hàng đăng, sở - đáy (cứu hộ hay cứu nạn).

b) Lưu thông tin:

Nội dung các thông tin yêu cầu cứu nạn, cứu hộ phải được ghi nhận, lưu vào sổ trực của đơn vị, gồm:

- Số điện thoại, họ và tên của người yêu cầu cứu nạn, cứu hộ.
- Thời gian bắt đầu và kết thúc cuộc gọi.
- Nội dung cuộc gọi.
- Các nội dung khác (nếu có).

2. Chuyên tiếp thông tin:

Các đơn vị chức năng thực hiện đúng theo Điều 4, Chương II Quy trình kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Xử lý thông tin:

a) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố (đơn vị quản lý đầu số điện thoại 114):

- Khi nhận được thông tin báo nạn (từ người bị nạn hay của cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân), cán bộ trực Tổng Đài báo cáo cho Lãnh đạo Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố theo quy định; đồng thời phân tích, xác minh nguồn tin, phối hợp với lực lượng chức năng có nhiệm vụ chủ trì tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong khu vực đó như Phòng Cảnh sát Đường thủy (Công an Thành phố), Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Bộ đội Biên phòng Thành phố hoặc đơn vị, địa phương báo nạn

xác minh nguồn tin hoặc xác minh ngay từ người báo nạn một cách nhanh chóng như khoản 1 (tiếp nhận, lưu thông tin).

- Thông tin vụ việc ban đầu ngay về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố. Nội dung thông tin chuyển tiếp được lưu trữ theo quy định tại khoản 1 (tiếp nhận, lưu thông tin).

- Duy trì liên lạc thường xuyên với người bị nạn để nắm chắc diễn biến tình hình tiếp theo và hướng dẫn, động viên người bị nạn tiến hành các bước tự xử lý ban đầu trong khi chờ các lực lượng tìm kiếm cứu nạn đến.

- Trong quá trình xử lý các sự cố tai nạn, cứu nạn, cứu hộ cần định vị thuê bao di động bị nạn thì Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố phân tích thông tin yêu cầu cứu nạn, cứu hộ để ra quyết định cần định vị thuê bao di động phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ.

b) Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

- Khi nhận được thông tin báo nạn (từ người bị nạn hay của cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân), cán bộ trực ban báo cáo cho Lãnh đạo Văn phòng Ban, đồng thời phân tích, xác minh nguồn tin, phối hợp với lực lượng chức năng có nhiệm vụ chủ trì tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong khu vực đó như Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ trên sông (Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố), Phòng Cảnh sát Đường thủy (Công an Thành phố), Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Bộ đội Biên phòng Thành phố hoặc đơn vị, địa phương báo nạn xác minh nguồn tin hoặc xác minh ngay từ người báo nạn nhanh chóng như khoản 1 (tiếp nhận, lưu thông tin).

- Sử dụng thiết bị nhắn tin qua máy vi tính, fax, điện thoại để thông báo, báo cáo ngay cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo thứ tự: Trưởng ban, Phó ban, thành viên phụ trách địa bàn nơi xảy ra sự cố, các thành viên còn lại. Tất cả các thông tin fax, điện thoại, tin nhắn gửi đi và thông tin phản hồi của các đơn vị phải được ghi nhận, sao lưu vào hệ thống của Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo quy định.

- Trong quá trình xử lý các sự cố tai nạn, cứu nạn, cứu hộ cần định vị thuê bao di động bị nạn thì Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố phân tích thông tin yêu cầu cứu nạn, cứu hộ để ra quyết định cần định vị thuê bao di động phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ.

- Quá trình thực hiện nội dung báo cáo, vẫn phải duy trì liên lạc thường xuyên với người bị nạn để nắm chắc diễn biến tình hình tiếp theo và hướng dẫn động viên người bị nạn tiến hành các bước tự xử lý ban đầu trong khi chờ các lực lượng tìm kiếm cứu nạn đến.

c) Các đơn vị trực thuộc Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố tai nạn:

- Khi nhận được thông tin báo nạn (từ người bị nạn hay của cơ quan, đơn vị, cá nhân), bằng mọi biện pháp phối hợp với các lực lượng, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị gần khu vực xảy ra tai nạn để xác minh nguồn tin, hoặc xác minh ngay từ người báo nạn một cách nhanh chóng như khoản 1 (tiếp nhận, lưu thông tin). Phân tích đánh giá tính xác thực nguồn tin, đánh dấu vị trí tọa độ trên bản đồ, hải đồ, hình thành ý định xử lý theo chức năng nhiệm vụ.

- Báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương và Chỉ huy cấp trên trực tiếp. Thông báo ngay cho các lực lượng có liên quan trong khu vực xảy ra tai nạn, theo thứ tự báo cho đơn vị chủ trì trước, đơn vị phối hợp sau, đơn vị ở gần nơi xảy ra tai nạn trước.

- Quá trình thực hiện nội dung báo cáo, vẫn phải duy trì liên lạc thường xuyên với người bị nạn để nắm chắc diễn biến tình hình tiếp theo và hướng dẫn động viên người bị nạn tiến hành các bước tự xử lý ban đầu trong khi chờ các lực lượng tìm kiếm cứu nạn đến.

- Sử dụng hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn của đơn vị (điện thoại, vô tuyến điện sóng ngắn) thông báo, phối hợp với gia đình chủ tàu, thuyền trưởng tàu bị nạn để phát thông báo tai nạn, huy động những phương tiện đang hoạt động gần khu vực tham gia cứu nạn, hỗ trợ; thường xuyên duy trì và giữ vững liên lạc với tàu bị nạn; kịp thời xử lý các tình huống phát sinh.

d) Các Sở, ban, ngành Thành phố:

Căn cứ vào tình hình thực tế của tai nạn, các lực lượng luôn trong trạng thái sẵn sàng chờ lệnh của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để cơ động đến hiện trường phối hợp với lực lượng tại chỗ xử lý tình huống.

đ) Các Doanh nghiệp thông tin di động:

Phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu



nạn Thành phố thực hiện việc định vị thuê bao di động báo nạn theo Quy trình phối hợp về định vị thuê bao di động phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 7. Xử lý tình huống**

1. Hành động của các Đồn Biên phòng, Hải đội Biên phòng (thuộc Bộ đội Biên phòng Thành phố); Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ trên sông, Phòng Cứu nạn - Cứu hộ, các Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy quận - huyện (thuộc Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố); Cảng vụ Hàng hải Thành phố:

a) Khi nhận được tin xảy ra sự cố phải báo cáo ngay cho lãnh đạo cấp trên trực tiếp về tình hình, vụ việc ban đầu.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công và điều kiện, khả năng cho phép, tham mưu cho cấp trên phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện điều động, huy động lực lượng, phương tiện ra tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; trường hợp vượt quá khả năng và không thuộc phạm vi địa bàn phụ trách phải kịp thời báo cáo lãnh đạo đề nghị Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố điều động lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; đồng thời sẵn sàng cơ động hỗ trợ khi có yêu cầu.

c) Tùy theo tính chất mức độ vụ việc, các đơn vị nếu độc lập thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mình thì chủ động triển khai lực lượng phương tiện sẵn có hoặc huy động phương tiện người dân để kịp thời xử lý tình huống, đồng thời báo cáo ngay về cấp trên trực tiếp (chú ý phải có cán bộ đơn vị trên phương tiện huy động của người dân để hướng dẫn tìm kiếm cứu nạn và hiệp đồng với các lực lượng khác). Phát huy tối đa Phương châm 4 tại chỗ; tránh tư tưởng ỷ lại cấp trên; sử dụng mọi biện pháp tại chỗ, nếu vượt quá khả năng cho phép thì mới báo cáo cấp trên để giải quyết.

d) Khi thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, các đơn vị phải phối hợp với nhau để tổ chức tuần tra quan sát dọc các sông, vùng biển và trên bờ biển để phát hiện cứu nạn kịp thời những nạn nhân bị trôi dạt, phương tiện bị nạn.

đ) Phối hợp với lực lượng tại chỗ của quận - huyện, sẵn sàng mọi mặt thường trực tại bến, cảng, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Hội Chữ thập đỏ để tiếp nhận, sơ cứu, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân cần cấp cứu đến cơ sở y tế nơi gần nhất.

e) Bằng mọi biện pháp đảm bảo thông tin thông suốt tới các Tổ - Đội, các đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn với Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi xảy ra tai nạn và các đơn vị, địa phương liên quan.

g) Trong điều kiện cho phép, chỉ huy các đơn vị phải tổ chức ghi hình ảnh về các hoạt động của lực lượng tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt là quá trình thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, vận chuyển nạn nhân, lai dắt phương tiện bị nạn vào bờ, đưa nạn nhân cấp cứu tại các bệnh viện, các trung tâm y tế... để làm tư liệu phục vụ công tác nghiệp vụ sau này.

h) Yêu cầu gia đình thuyền trưởng, chủ tàu có đơn trình báo hoặc đề nghị cứu hộ (công việc này chỉ huy các đơn vị phải tiến hành khẩn trương và song song với nhiệm vụ cứu hộ, lai dắt tùy theo tính chất mức độ nguy hiểm của tình huống).

i) Bám sát và nắm chắc các tình huống cho đến khi kết thúc vụ việc. Tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Hành động của Lãnh đạo Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố:

a) Báo cáo ngay tình hình sự cố cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Nhanh chóng hội ý đánh giá nhận định tình hình, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy và giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc quyền cơ động, khẩn trương đến hiện trường.

c) Thành lập Đoàn công tác (có thể lập Sở Chỉ huy tiền phương tùy theo tính chất, mức độ vụ việc), trực tiếp đến hiện trường để kiểm tra đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị, đồng thời tổ chức sử dụng lực lượng phương tiện thành các kíp tàu, ca nô, các tổ xung kích để ngay lập tức cơ động xử lý tình huống. Thành lập lực lượng thường trực cơ động, chốt chặn tại các vị trí xung yếu, an toàn thuận lợi cho việc cơ động để sẵn sàng ứng cứu.

d) Bố trí lực lượng, phương tiện thường trực tại bến, cầu cảng, bệnh viện trung tâm y tế, đồng thời phối hợp với các lực lượng khác để tiếp nhận, sơ cứu, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân cần cấp cứu đến Trung tâm y tế, Bệnh viện gần nhất.

đ) Nếu ngoài khả năng được giao, tham mưu cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố

đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tư lệnh các quân chủng như Hải quân, Không quân đề nghị điều động lực lượng, phương tiện hỗ trợ.

e) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các quận - huyện và các lực lượng liên quan để xử lý vụ việc.

g) Sử dụng hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn của đơn vị (điện thoại, vô tuyến điện sóng ngắn) thông báo, phối hợp với Đài Thông tin Duyên hải Thành phố, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng tàu bị nạn để phát thông báo tai nạn, huy động những phương tiện đang hoạt động gần khu vực tham gia cứu nạn, hỗ trợ; thường xuyên duy trì và giữ vững liên lạc với tàu bị nạn; kịp thời xử lý các tình huống phát sinh.

h) Tổ chức quay phim, chụp hình quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và tình hình diễn biến tại nơi xảy ra vụ việc, trên đường hành trình, tại bến cảng, cầu tàu, hoặc nơi tiếp nhận nạn nhân, cơ sở y tế làm tư liệu phục vụ công tác nghiệp vụ sau này.

i) Bám sát và nắm chắc các tình huống cho đến khi kết thúc vụ việc. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo quy định từ khi bắt đầu tới khi kết thúc sự vụ.

k) Trường hợp chưa tổ chức cơ động ra hiện trường nhưng qua hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn và qua báo cáo của đơn vị thuộc quyền phát hiện trên tàu bị nạn có người bị thương. Lệnh cho chỉ huy đơn vị tại chỗ:

- Cử Quân y, Lực lượng y tế chuyên trách phối hợp với Lực lượng Thông tin sử dụng máy trực canh tìm kiếm cứu nạn của đơn vị để thăm khám, hướng dẫn nạn nhân, những người trên tàu sơ cứu, điều trị ban đầu cho nạn nhân trong thời gian chờ lực lượng chuyên môn đến hỗ trợ, cấp cứu.

- Qua máy thông tin hướng dẫn thuyền trưởng đưa nạn nhân vào nơi gần nhất, có điều kiện để cấp cứu; duy trì liên lạc 24/24 giờ với đơn vị để xử lý các tình huống. Đồng thời thông báo ngay về Ủy ban nhân dân các quận - huyện để phối hợp với các cơ quan chức năng hỗ trợ, giải quyết.

- Nếu vụ việc kéo dài thì hàng ngày báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định, đồng thời cập nhật mọi diễn biến tình hình và thường xuyên báo cáo về Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm.

3. Hành động của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các quận - huyện nơi xảy ra sự cố:

a) Khi nhận được tin báo nạn của các cơ quan đơn vị hoặc của cá nhân, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các quận - huyện hội ý nhanh đánh giá nhận định tình hình. Đồng thời, báo cáo ngay tình hình sự cố cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương và thông qua đơn vị chịu trách nhiệm chính trong nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn để giao nhiệm vụ cho các đơn vị cơ động ngay tới hiện trường.

c) Thành lập Đoàn công tác đến hiện trường để trực tiếp kiểm tra đôn đốc chỉ đạo các đơn vị, đồng thời tổ chức sử dụng lực lượng phương tiện tại chỗ thường trực sẵn sàng cơ động, chốt chặn tại các vị trí xung yếu, an toàn thuận lợi cho việc ứng cứu.

d) Bố trí lực lượng, phương tiện thường trực tại bến, cầu cảng, bệnh viện để tiếp nhận, sơ cứu, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân cần cấp cứu đến Trung tâm y tế, Bệnh viện gần nhất.

đ) Nếu vụ việc vượt quá khả năng của lực lượng tại chỗ, báo cáo và tham mưu Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố điều động lực lượng, phương tiện hỗ trợ, giải quyết vụ việc. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng có liên quan cơ động đến để xử lý vụ việc.

e) Chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể xã hội và huy động phương tiện, trang thiết bị, lực lượng trên địa bàn quận - huyện tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, trên sông và tiếp nhận, sơ cứu người bị nạn; tiếp nhận, bảo vệ, quản lý phương tiện bị nạn tập kết tại quận - huyện; đồng thời sử dụng hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn (điện thoại, vô tuyến điện sóng ngắn) thông báo, phối hợp với Đài Thông tin duyên hải Thành phố, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng tàu bị nạn để phát thông báo tai nạn, huy động những phương tiện đang hoạt động gần khu vực, hoặc phương tiện đang neo đậu tại bến tham gia cứu nạn, hỗ trợ; thường xuyên duy trì và giữ vững liên lạc với tàu bị nạn; kịp thời xử lý các tình huống phát sinh.

g) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công, tham mưu cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống

lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố điều động, huy động lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

h) Bám sát và nắm chắc các tình huống cho đến khi kết thúc vụ việc. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo quy định từ khi bắt đầu tới khi kết thúc vụ việc.

i) Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm.

4. Hành động của cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Báo cáo ngay tình hình sự cố cho Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Nhanh chóng đánh giá nhận định tình hình, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; giao nhiệm vụ cho các đơn vị cơ động khẩn trương đến hiện trường.

c) Thành lập Đoàn công tác (có thể lập Sở Chỉ huy tiền phương tùy theo tính chất mức độ vụ việc), cử thành viên trực tiếp đến hiện trường kiểm tra đôn đốc chỉ đạo các đơn vị. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện thành lập lực lượng thường trực cơ động, chốt chặn tại các vị trí xung yếu, an toàn thuận lợi cho việc cơ động để sẵn sàng ứng cứu.

d) Chỉ đạo bố trí lực lượng, phương tiện thường trực tại bến, cầu cảng, bệnh viện đồng thời phối hợp với các lực lượng khác để tiếp nhận, sơ cứu, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân cần cấp cứu đến Trung tâm y tế, Bệnh viện gần nhất.

đ) Trực tiếp chỉ huy điều hành các lực lượng của Thành phố cơ động đến phối hợp với lực lượng tại chỗ để xử lý vụ việc.

e) Thông báo cho các lực lượng chức năng liên quan đến công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong từng tình huống cụ thể đề nghị phối hợp, hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Đề nghị Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố thông báo, hiệp đồng với Hải đoàn 18 Biên phòng để chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất, trang bị, quân y... sẵn sàng cơ động cứu nạn, cứu hộ khi có lệnh.

g) Tùy theo tình hình thực tế, nếu vụ việc vượt ngoài khả năng của Thành phố, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố báo cáo Thường trực Thành ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời soạn thảo văn bản đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tư lệnh các quân chủng như Hải quân, Không quân để điều động lực lượng, phương tiện hỗ trợ, giúp đỡ.

h) Tổng hợp, báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn theo quy định từ khi bắt đầu tới khi kết thúc sự vụ.

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng điều tra, xử lý nguyên nhân tai nạn.

k) Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm.

5. Hành động của lực lượng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố cơ động đến:

a) Khi được lệnh điều động của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, nhanh chóng cơ động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị đến hiện trường để hỗ trợ cho lực lượng tại chỗ.

b) Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phải hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng tại chỗ, đặc biệt là lực lượng chỉ huy hiện trường để nâng cao hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

6. Hành động của các lực lượng hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh giáp ranh:

a) Khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố và điều động của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn và các cơ quan Trung ương: liên lạc trực tiếp với lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để nắm chắc vị trí, tọa độ và nội dung đề nghị hỗ trợ.

b) Nhanh chóng cơ động lực lượng tới hiện trường, liên lạc với lực lượng tại chỗ của Thành phố để nghe thông báo tình hình thực tế và nhiệm vụ cần triển khai. Quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, thường xuyên giữ vững liên lạc với các lực lượng liên quan để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

#### **Chương IV**

### **CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH, PHỐI HỢP, TRỰC BAN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ**

#### **Điều 8. Công tác tổ chức điều hành, chỉ huy, phối hợp**

1. Tình huống nằm trong khả năng hoàn thành nhiệm vụ của Lực lượng tại chỗ:

Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố giao cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy

Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố trực tiếp chỉ huy mọi hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, trên sông và trong vùng nước cảng biển theo chức năng từng đơn vị.

2. Tình huống vượt quá khả năng của Lực lượng tại chỗ của Thành phố:

a) Thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại hiện trường để trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; theo đó, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, điều phối mọi hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan và hiệp đồng với các lực lượng của Trung ương, các tỉnh giáp ranh. Trong trường hợp Trưởng ban vắng mặt thì ủy quyền cho một Phó Trưởng ban thường trực phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn điều hành, chỉ huy.

b) Tình huống xảy ra tại các cửa sông khu vực huyện Cần Giờ và vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh, vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố trực tiếp chỉ huy hiện trường.

c) Tình huống xảy ra tại các sông trên địa bàn Thành phố: Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố trực tiếp chỉ huy hiện trường.

d) Tình huống xảy ra trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố: Cảng vụ Hàng hải Thành phố trực tiếp chỉ huy hiện trường.

*(Đính kèm Phụ lục IV: Phạm vi vùng nước và các khu vực phân chia cảng biển Thành phố).*

3. Tình huống vượt ngoài khả năng ứng phó của Thành phố:

Thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại hiện trường để trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn sẽ chủ trì, huy động lực lượng, phương tiện và chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, điều phối mọi hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của các lực lượng của Trung ương, Thành phố và các tỉnh giáp ranh Thành phố.

4. Vị trí chỉ huy: tại hiện trường nơi xảy ra sự cố, tai nạn.

## **Điều 9. Quy định trực chỉ huy, trực ban**

1. Trực chỉ huy, trực ban thường xuyên:

Ở trạng thái thường xuyên, các Sở, ban, ngành Thành phố và địa phương tổ chức

trực ban theo Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

2. Trực chỉ huy, trực ban điều hành khi có tình huống:

a) Tại trụ sở các cơ quan, đơn vị:

- Tăng cường trực chỉ huy và trực ban đảm bảo chỉ huy chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Tăng cường nhân lực trực ban 24/24 giờ tại Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Các đơn vị trong khu vực xảy ra tai nạn tổ chức trực 24/24 giờ.

b) Tại Sở Chỉ huy tiền phương:

- Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố luân phiên trực chỉ huy và bố trí trợ lý, chuyên viên chuyên trách trực ban tiếp nhận thông tin, truyền phát ý kiến chỉ đạo theo ngành dọc.

- Tùy theo tính chất, mức độ vụ việc, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hệ thống thông tin tại chỗ và thông tin cơ động phục vụ cho lãnh đạo Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chỉ huy điều hành các lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

## **Điều 10. Hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

1. Tổng Đài tiếp nhận thông tin cứu nạn, cứu hộ:

a) Tổng Đài điện thoại 114 thuộc Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố thực hiện tiếp nhận tất cả các thông tin cứu nạn, cứu hộ (từ nhân dân, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, các Tổng Đài khẩn cấp 113, 115), đồng thời thông báo kịp thời, chính xác cho các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố đảm bảo công tác phối hợp, xử lý, chuyển tiếp thông tin cứu nạn, cứu hộ giữa Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố với các lực lượng cứu nạn, cứu hộ của Thành phố.



2. Hệ thống liên lạc tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ:

a) Bộ đội Biên phòng Thành phố:

Tổ chức các đài canh tại các đơn vị Biên phòng để tiếp, chuyển thông tin về thiên tai, công tác cứu hộ, cứu nạn đối với các phương tiện hoạt động trên các tuyến biên giới biển đảo Việt Nam và trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó tổ chức 02 Đài Thông tin phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

- Sở Chỉ huy (189B, Công Quỳnh, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), tên gọi: Biên phòng Sài Gòn:

+ Số điện thoại trực ban tác chiến: (08) 39.252.624;

+ Số fax: (08) 39.254.700.

- Hải Đội 2 (Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh), tên gọi: Biên phòng Cần Giờ.

- Tần số hoạt động quy định: 9339 KHz (sóng ngày), 6973 KHz (sóng đêm).

Máy vô tuyến điện tần số: 145.50 MHz.

- Trong điều kiện hoạt động thường xuyên: thời gian dùng sóng ngày từ 06h00 đến 17h59, đêm từ 18h00 đến 05h59; chế độ trực canh là 15 phút các đầu giờ.

b) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố: Tổng Đài 114.

c) Cảng vụ Hàng hải Thành phố:

- Thông tin liên lạc: VHF kênh 16.

- Số điện thoại: (08) 39.404.151; 01234.091.111.

- Số fax: (08) 39.404.828.

d) Bộ Tư lệnh Thành phố:

- Tổ chức 02 Đài Thông tin QMAX phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

+ Sở Chỉ huy (291, Cách Mạng Tháng 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), tên gọi: Hà Nội.

+ Ban Chỉ huy Quân sự Huyện Cần Giờ, tên gọi: Hà Nam.

- Tần số hoạt động quy định: 55.50 MHz (sóng chính), 55.75 MHz (sóng phụ).

Trong điều kiện hoạt động thường xuyên: tổ chức trực canh 24/24 giờ.

- Số điện thoại trực ban: (08) 38.641.763.

- Số fax: (08) 38.656.234; 62 648 286.

đ) Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

- Số điện thoại: (08) 38.297.598.

- Số fax: (08) 38.232.742.

### 3. Hệ thống thông tin liên lạc bưu điện

*(Đính kèm Phụ lục V: Danh sách điện thoại liên lạc của các đơn vị, địa phương liên quan trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ).*

## **Điều 11. Chế độ báo cáo**

Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố**

Tổng hợp ý kiến của Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, địa phương liên quan, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố công tác triển khai ứng phó và khắc phục hậu quả của các đơn vị, địa phương trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có tình huống, sự cố xảy ra.

### **Điều 13. Bộ đội Biên phòng Thành phố**

1. Là cơ quan thường trực chủ trì, đồng thời phối hợp với các ngành, các lực lượng, các đoàn thể xã hội tổ chức thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông ở khu vực Biên phòng và trên biển Thành phố, vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ.

2. Chỉ đạo các đơn vị phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, các

lực lượng, các đoàn thể xã hội tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành nghiêm Quy chế khu vực biên giới biển; các quy định về đảm bảo an toàn hàng hải.

3. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản), các ngành, các tổ tự quản trên biển thường xuyên cập nhật, nắm chắc thông số kỹ thuật, chất lượng, số lượng phương tiện, ngành nghề hoạt động của ngư dân trên địa bàn, kể cả số hộ ngư dân hoạt động đăng, đáy trên sông, trên biển. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát, đăng ký kiểm chứng, thống kê đầy đủ các thông tin về người, phương tiện, hải trình, ngư trường. Kiên quyết không cho xuất bến đối với tàu thuyền hết hạn đăng kiểm, tàu thiếu các thiết bị đảm bảo an toàn theo quy định; nghiêm khắc xử lý thuyền trưởng, máy trưởng không có giấy phép, không đủ khả năng điều khiển phương tiện, chứng chỉ hành nghề.

4. Tổ chức hệ thống thông tin đảm bảo hoạt động liên lạc thông suốt giữa các cấp, giữa Bộ đội Biên phòng Thành phố với các cơ quan, đơn vị liên quan, giữa Bộ đội Biên phòng Thành phố với các tàu đánh cá trên biển, với chủ các hàng đăng, sở - đáy trên sông, trên biển.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ trong việc trưng dụng, điều động phương tiện của ngư dân tham gia thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển.

6. Phối hợp với các lực lượng có liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố và đơn vị quản lý đường thủy nội địa và hàng hải tiến hành bố trí các biển cảnh báo nguy hiểm tại các vị trí đã được xác định.

#### **Điều 14. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố**

1. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố; Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng Tổng Đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114.

2. Tiếp nhận đầy đủ và xác minh thông tin báo nạn 24/24 giờ qua Tổng Đài 114, trên cơ sở thông tin cứu nạn, cứu hộ và các yêu cầu cứu nạn, cứu hộ của các lực lượng liên quan để phân tích, quyết định việc thực hiện định vị thuê bao theo Quy trình phối hợp về định vị thuê bao di động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố; duy trì thông tin liên lạc với đối tượng, phương tiện bị nạn

hoặc các tổ chức cá nhân có liên quan trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khẩn cấp tại các tuyến sông trên địa bàn Thành phố.

4. Chủ trì, phối hợp với các lực lượng trong việc huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng cứu các tình huống xảy ra nhanh chóng, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý vụ việc tai nạn trên tuyến sông theo thẩm quyền.

5. Phối hợp các cơ quan chức năng liên quan, xác định các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trên các tuyến sông của Thành phố, đặc biệt là các điểm tiếp nhiên liệu dọc các con sông trên địa bàn, làm cơ sở cho chỉ huy chỉ đạo và điều hành lực lượng phương tiện tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi có vụ việc xảy ra.

### **Điều 15. Cảng vụ Hàng hải Thành phố**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố và các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển tại Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các lực lượng cứu nạn, cứu hộ của Thành phố trong việc huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng cứu các tình huống xấu do thiên tai gây ra trong vùng nước quản lý được nhanh chóng, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý vụ việc tai nạn trong vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

3. Phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan, xác định các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trong vùng nước cảng biển của Thành phố làm cơ sở cho việc chỉ huy, chỉ đạo và điều hành lực lượng phương tiện tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có vụ việc xảy ra.

### **Điều 16. Bộ Tư lệnh Thành phố**

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị

liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố mang tính chất nghiêm trọng.

### **Điều 17. Công an Thành phố**

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, kênh, rạch của Thành phố.

2. Đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; tổ chức điều tra, kết luận vụ việc nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Sở Y tế nhằm đảm bảo kết nối thông suốt các Tổng Đài 113, 114, 115 phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 18. Sở Giao thông vận tải**

1. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị, địa phương liên quan trong thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên các tuyến sông khu vực Thành phố.

2. Chỉ đạo Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố, Khu Quản lý đường thủy nội địa, Thanh tra Sở Giao thông vận tải khẩn trương điều động lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan, xác định các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trên tuyến sông, ven biển của Thành phố làm cơ sở cho việc chỉ huy, chỉ đạo và điều hành lực lượng phương tiện tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi có vụ việc xảy ra.

### **Điều 19. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

a) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, xã liên quan làm tốt công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tàu cá hoạt động trên các vùng biển; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định về trang bị kỹ thuật đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, trên sông.

b) Quản lý chặt chẽ hoạt động nghề cá; nắm chắc vị trí, số lượng, thuyền viên, tần số liên lạc của các tàu cá đánh bắt xa bờ; kịp thời cảnh báo thời tiết nguy hiểm, thiên tai trên biển và thông báo cho các chủ tàu, thuyền trưởng, máy trưởng.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ trong việc trưng dụng, điều động phương tiện của ngư dân tham gia thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển.

2. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố):

a) Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố.

b) Tiếp nhận và kịp thời truyền phát, báo cáo diễn biến vụ việc; tham mưu cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

c) Cùng các cơ quan chức năng có liên quan, xác định các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trên tuyến sông, biển của Thành phố để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố và các lực lượng lắp đặt hệ thống cảnh báo làm cơ sở cho việc chỉ huy, chỉ đạo và điều hành lực lượng, phương tiện tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có vụ việc xảy ra.

d) Tham mưu cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

## **Điều 20. Đài Thông tin Duyên hải Thành phố**

1. Trực canh tiếp nhận thông tin báo nạn trên các phương thức và tần số cấp cứu, xử lý thông tin báo nạn và phát quảng bá thông tin cứu nạn theo quy định; đồng thời báo cáo kịp thời cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Kịp thời thông tin về tình hình, diễn biến, hướng di chuyển của thời tiết nguy hiểm, áp thấp nhiệt đới, bão cho các tàu thuyền hoạt động đánh bắt xa bờ trên địa bàn Thành phố và hướng dẫn cho các chủ tàu thuyền tránh trú an toàn hoặc thoát ra khỏi, không đi vào vùng nguy hiểm, tiếp nhận các thông tin cứu hộ, cứu nạn trên biển của các tàu, thuyền đánh bắt thủy sản.

**Điều 21. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhấn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố; Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng Tổng Đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114.

2. Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thông tin di động trong việc thực hiện định vị thuê bao di động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Sở Y tế, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố nhằm đảm bảo kết nối thông suốt các Tổng Đài 113, 114, 115 phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố (trong đó, Tổng Đài 114 là đầu số điện thoại tiếp nhận thông tin về tai nạn, sự cố và yêu cầu cứu nạn, cứu hộ).

**Điều 22. Sở Y tế**

1. Phối hợp với Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố nhằm đảm bảo kết nối thông suốt các Tổng Đài 113, 114, 115 phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố (trong đó, Tổng Đài 114 là đầu số điện thoại tiếp nhận thông tin về tai nạn, sự cố và yêu cầu cứu nạn, cứu hộ).

2. Chỉ đạo lực lượng y tế tuyến Thành phố và quận - huyện, Trung tâm Y tế các quận - huyện nơi xảy ra sự cố phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Thành phố và lực lượng tại chỗ tổ chức sơ cấp cứu người bị nạn và chuyển đến bệnh viện nơi gần nhất.

**Điều 23. Các Doanh nghiệp thông tin di động**

1. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn - cứu hộ và nhấn tin cảnh báo thiên tai qua mạng, thông tin di động trên địa bàn Thành phố; Chỉ thị số 15/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền về sử dụng Tổng Đài cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy 114.

2. Phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố trong việc thực hiện định vị thuê bao di động phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố, đặc biệt trong điều kiện đêm tối và thời tiết nguy hiểm.

**Điều 24. Ủy ban nhân dân các Quận - Huyện nơi xảy ra sự cố**

1. Chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể xã hội và huy động phương tiện, trang thiết bị, lực lượng trên địa bàn tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, trên sông và tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn; tiếp nhận, bảo vệ, quản lý phương tiện bị nạn được tập kết tại địa phương.

2. Phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan, xác định các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trên các tuyến sông, trên biển của Thành phố làm cơ sở cho việc chỉ huy, chỉ đạo và điều hành lực lượng, phương tiện tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có vụ việc xảy ra.

**Điều 25. Các cơ quan thông tin tuyên truyền**

Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, cơ quan thông tấn - báo chí kịp thời đăng tải diễn biến vụ việc sự cố, tai nạn, đưa tin hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển Thành phố.

**Điều 26. Chủ tàu thuyền, thuyền trưởng và thuyền viên, chủ các hàng đăng, sớ - đáy trên sông, biển; các cơ quan tổ chức và cá nhân liên quan**

1. Nắm chắc các số điện thoại của các cơ quan đơn vị có nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ để kịp thời thông tin, thông báo diễn biến vụ tai nạn; sẵn sàng hỗ trợ nhân lực, phương tiện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi chính quyền địa phương, cơ quan chức yêu cầu trưng dụng và khai báo trung thực, khách quan với cơ quan chức năng những vấn đề liên quan đến vụ tai nạn.

2. Tham gia các lớp tập huấn hướng dẫn về các quy định bảo đảm an toàn hàng hải, các lớp nghiệp vụ về tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ do các cơ quan, chính quyền các địa phương tổ chức.

3. Cập nhật thông tin các điểm thường có khả năng xảy ra tai nạn (vị trí, địa danh, tọa độ) trên các tuyến sông, trên biển của Thành phố để chủ động phòng tránh, bảo đảm an toàn khi tham gia lưu thông và hoạt động nghề cá.

**Điều 27.** Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, ngành Thành phố, quận - huyện xây dựng Kế hoạch phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển và trong vùng nước cảng biển thuộc địa bàn quản lý; trong đó phải cụ thể hóa trong từng tình huống phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương mình để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

**Điều 28.** Hằng năm, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung; các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Thường trực



Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão Thành phố tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

## **Chương VI** **ĐẢM BẢO VỀ HẬU CẦN, TÀI CHÍNH**

### **Điều 29. Nguồn tài chính bảo đảm cho công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

1. Ngân sách của Thành phố và quận - huyện.
2. Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố.
3. Tài trợ, hỗ trợ, viện trợ của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài và đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước cho hoạt động cứu nạn, cứu hộ.
4. Đền bù của cơ quan bảo hiểm; chi trả của tổ chức, cá nhân và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
5. Các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia thực hiện các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai được thanh toán chi phí theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa.

**Điều 30.** Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, rà soát phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị bổ sung đầu tư để thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đạt hiệu quả./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục I**

**Lực lượng dự kiến huy động phục vụ công tác  
tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển  
và trong vùng nước cảng biển Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Đơn vị: người

STT	LỰC LƯỢNG	THÀNH PHỐ	QUẬN, HUYỆN	PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN	TỔNG CỘNG
1	Quân sự	360	2.856	3.220	6.436
2	Bộ đội Biên phòng	400			400
3	Công an	100	2.000	600	2.700
4	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	1.000			1.000
5	Cảng vụ Hàng hải Thành phố	50			50
6	Y tế	500	1.100		1.600
7	Hội Chữ thập đỏ	100	900		1.000
8	Thanh niên xung phong	800			800
9	Dân quân, Thanh niên xung kích			5.900	5.900
<b>Tổng cộng các lực lượng</b>		<b>3.310</b>	<b>6.856</b>	<b>9.720</b>	<b>19.886</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục II**

**Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động phục vụ  
công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển  
và trong vùng nước cảng biển Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỞ - NGÀNH, ĐƠN VỊ	QUẬN, HUYỆN	TỔNG CỘNG
1	Xe tải các loại	chiếc	349	46	395
2	Xe cứu thương	chiếc	29	27	56
3	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	28	55	83
4	Ca nô	chiếc	53	40	93
5	Tàu TKCN các loại	chiếc	19	6	25
6	Tàu kéo	chiếc	14		2
7	Ghe cứu hộ	chiếc	10	28	38
8	Xuồng máy các loại	chiếc	19	14	33
9	Phà	chiếc	24	2	26
10	Máy bộ đàm	máy	514	313	827
11	Máy phát điện	máy	268	102	370
12	Máy khoan cắt bê tông	máy	10	42	52
13	Phao tròn	cái	3.816	6.752	10.568
14	Phao bè	cái	183	103	286
15	Áo phao	cái	7.505	12.439	19.944
16	Áo phao 3 đai	cái		310	310
17	Phao dây	cái	9	78	87
18	Nệm phao cứu hộ	cái	7	10	17
19	Nhà bạt các loại	cái	153	144	297

STT	DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỞ - NGÀNH, ĐƠN VỊ	QUẬN, HUYỆN	TỔNG CỘNG
20	Ổng nhôm	cái	69	33	102
21	Xà beng các loại	cái	222	459	681
22	Búa các loại	cái	226	544	770
23	Bộ đồ lặn	bộ	30		30
24	Bộ đồ chống cháy	bộ	10		10
25	Đèn chiếu sáng xách tay	cái	50	150	200
26	Loa pin cầm tay	cái	30	96	126
27	Dây thừng	m	100	10.640	10.740
28	Kèm cộng lực	cái		45	45
29	Bộ dây cứu hộ - cứu nạn chuyên dụng	bộ		2	2
30	Đèn pha	cái		5	5

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục III**

**Số lượng và vị trí phương tiện thủy dự kiến huy động  
phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, trên biển  
và trong vùng nước cảng biển Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	PHƯƠNG TIỆN THỦY	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	VỊ TRÍ NEO ĐẠU
1	Ca nô	57	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố (09 chiếc)	Bến Phà Thủ Thiêm (cũ), quận 2 (04 chiếc); phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn trên sông (196 Tôn Thất Thuyết, phường 3 quận 4; 04 chiếc); phòng Cảnh sát PCCC huyện Cần Giờ (Rừng Sác, ấp Long Hòa, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ; 01 chiếc)
			Bộ Tư lệnh Thành phố (05 chiếc)	Kho của Bộ Tư lệnh TP
			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố (17 chiếc)	Trạm Biên phòng cửa khẩu Hiệp Phước (02 chiếc), trạm Biên phòng cửa khẩu Phú Mỹ (05 chiếc), trạm Biên phòng cửa khẩu Nhà Rông (02 chiếc), trạm Kiểm tra giao thông trên sông (04 chiếc), trạm Biên phòng cửa khẩu Khánh Hội (02 chiếc), trạm Biên phòng Thiêng Liêng (01 chiếc), trạm Biên phòng Lý Nhơn (01 chiếc)
			Công an Thành phố (04 chiếc)	Công an huyện Cần Giờ (02 chiếc); Công an huyện Nhà Bè (01 chiếc); Cảnh sát Đường thủy - PC68 (01 chiếc)

STT	PHƯƠNG TIỆN THỦY	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	VỊ TRÍ NEO ĐẬU
			Sở Giao thông vận tải (18 chiếc)	Cầu An Nghĩa, huyện Cần Giờ, (02 chiếc); Ngã ba Kênh Thị Nghè, quận Bình Thạnh - Trạm Quản lý Đường Thủy số 4 (03 chiếc); 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8 - Trạm Quản lý Đường Thủy số 1 (02 chiếc); cầu Rạch Ông, phường Tân Hưng, quận 7 - Trạm Quản lý Đường Thủy số 3 (08 chiếc); Bến Bạch Đằng, quận 1 - Thanh tra Sở (03 chiếc)
			Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố (02 chiếc)	Phà Bình Khánh (01 chiếc), Văn phòng 1 Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP Thành phố, xã An Thới Đông (01 chiếc)
			Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản (02 chiếc)	Trạm Thủy sản An Nghĩa (01 chiếc), Trạm Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Cần Giờ (01 chiếc)
2	Tàu tìm kiếm cứu nạn các loại	17	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố (02 chiếc)	Bến Phà Thủ Thiêm, quận 2
			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng TP (10 chiếc)	Hải đội 2 (5 chiếc); Cảng Sài Gòn (5 chiếc)
			Sở Giao thông vận tải (03 chiếc)	Cầu Rạch Ông, phường Tân Hưng, quận 7 - Trạm Quản lý Đường Thủy số 3
			Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản (02 chiếc)	Cần Thạnh, huyện Cần Giờ (01 chiếc); An Thới Đông, huyện Cần Giờ (01 chiếc)

STT	PHƯƠNG TIỆN THỦY	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	VỊ TRÍ NEO ĐẬU
3	Tàu kéo	2	Sở Giao thông vận tải (01 chiếc)	Phà Cát Lái
			Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố (01 chiếc)	Phà Bình Khánh
4	Phà	21	Sở Giao thông vận tải (13 chiếc)	Phà Cát Lái
			Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố (08 chiếc)	Phà Bình Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục IV**

**Phạm vi vùng nước và các khu vực phân chia cảng biển Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

1. Vùng nước trước cầu cảng, bên cảng trên sông Sài Gòn: Tân Cảng, cảng Sài Gòn, Tân Thuận Đông, Bến Nghé, Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1, ELF GAS Sài Gòn, Biển Đông, Rau Quả, Bông Sen, Dầu thực vật (Navioil), Thương mại vận tải Xăng dầu Minh Tấn, Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Hàng Giang II, Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, Petechim, Kho xăng dầu VK 102, X51 và Thương mại sản phẩm hóa dầu Lâm Tài Chánh, Xi măng FiCO, Xi măng Chinfon Hải Phòng, Điện Hiệp Phước, cảng SPCT, Xi măng Nghi Sơn, Chuyên dùng Calofic, Cát Lái (Tân Cảng), Petec, Sài Gòn Petro và Xi măng Sao Mai, các nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển: Công nghiệp tàu thủy Sài Gòn, Đóng tàu và công nghiệp hàng hải Sài Gòn, Đóng tàu An Phú, Nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển Ba Son.

2. Vùng nước các tuyến luồng hàng hải, vùng neo đậu, tránh bão thuộc cảng biển nêu trên và vùng chuyển tải khu vực Thiêng Liêng.

3. Ranh giới về phía biển:

a) Khu vực vịnh Gành Rái; được giới hạn bởi đường kinh tuyến  $106^{\circ}58'12''E$  (là ranh giới với vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), chạy dọc theo bờ biển của huyện Cần Giờ và bờ của cù lao Phú Lợi đến hai điểm xa nhất của cửa sông Ngã Bảy.

b) Khu vực vịnh Đòng Tranh (cửa sông Soài Rạp): được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm SR1, SR2, SR3, SR4 và SR5 có tọa độ sau đây:

- SR1:  $10^{\circ}25'10''N$ ,  $106^{\circ}58'12''E$  (mũi Cần Giờ);

- SR2:  $10^{\circ}24'00''N$ ,  $107^{\circ}00'00''E$ ;

- SR3:  $10^{\circ}15'00''N$ ,  $107^{\circ}00'00''E$ ;



- SR4: 10°15'00"N, 106°49'30"E;

- SR5: 10°20'00"N, 106°47'06"E.

#### 4. Ranh giới trên sông:

a) Trên các sông Ngã Bảy, Lòng Tàu, Nhà Bè, Dừa, Tắc Dinh Cậu và rạch Tắc Rỏi, được giới hạn như sau:

- Từ hai điểm nhô xa nhất của cửa sông Ngã Bảy chạy dọc theo hai bờ các sông Ngã Bảy, Lòng Tàu, Nhà Bè đến mũi Đèn Đỏ (hải lý 6) và chạy dọc theo hai bờ sông Dừa, Tắc Dinh Cậu, rạch Tắc Rỏi đến ngã ba Tắc Rỏi - sông Lòng Tàu trừ vùng nước trước cầu cảng Phú Đông, Phước Khánh, Xăng dầu Phước Khánh, Hóa dầu AP, Viko Wokimex, Xi măng Lafarge;

- Từ mũi Đèn Đỏ (hải lý 6) tại ngã ba sông Sài Gòn - Nhà Bè - Đồng Nai, chạy dọc theo hai bờ sông Sài Gòn đến đường biên hạ lưu hành lang an toàn của cầu Sài Gòn;

- Từ mũi Đèn Đỏ (hải lý 6) tại ngã ba sông Sài Gòn - Nhà Bè - Đồng Nai, chạy dọc theo hai bờ sông Đồng Nai đến đường thẳng cắt ngang sông tại mép rạch Ông Nhiêu về phía hạ lưu.

b) Trên sông Soài Rạp: Từ điểm SR1 và SR5 (tại cửa sông Soài Rạp) chạy dọc theo bờ biển huyện Cần Giờ và hai bờ sông Soài Rạp đến ngã ba sông Soài Rạp - sông Nhà Bè (ngã ba Bình Khánh).

#### 5. Vùng neo đậu tránh bão:

a) Khu vực neo Nhà Bè;

b) Khu vực sông Soài Rạp;

c) Khu vực Thiềng Liềng;

d) Khu vực neo đậu thuộc vùng nước địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục V**

**Danh sách điện thoại liên lạc của các đơn vị, địa phương  
liên quan trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5116/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
1	VĂN PHÒNG ỦY BAN QUỐC GIA TÌM KIẾM CỨU NẠN	- Trực ban: 069 553 611; 069 553 612; 0437 333 664 - Trực chỉ huy tìm kiếm cứu nạn: 069 553 562 - Ông Nguyễn Sơn Hà (Chánh Văn phòng): 0913 003 904, 069 531 666	0437 333 845  069 553 611	26, Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội
2	TRUNG TÂM PHỐI HỢP TÌM KIẾM CỨU NẠN HÀNG HẢI KHU VỰC III	- Trực Ban: 0643 850 950; 0643 510 285 - Ông Phạm Hiến (Giám đốc): 0904 037 989 - Ông Lương Trường Phi (Phó Giám đốc): 0903 954 282 - Ông Nguyễn Bảo Anh (Phó Giám đốc): 01254 628 888	0643.810.353	1151/45, đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu
3	CẢNH SÁT BIỂN VÙNG III	- Cơ quan: 0583 858 177	0583.858.156 /3.858.161	879, đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu.
4	PHÒNG CỨU HỘ - CỨU NẠN (BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7)	- Trực ban: 069 650 447; 069 699 858 - Đại tá Nguyễn Huy Thông (Trưởng phòng): 0982 312 112	38 454 529	17A, Hồ Văn Huê, phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
5	THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ	- Trục ban: (08) 38 297 598 - Ông Nguyễn Phước Trung (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Phó Trưởng Ban Thường trực): 0989 757 079 - Ông Trần Công Lý (Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Phó Trưởng Ban): 0903 926 773, 38 243 109 - Ông Trần Nhân Nghĩa (Phó Chánh Văn phòng): 0987 186 838, 22 104 375 - Email: banchihuypcb@hcm.fpt.vn - Website: <a href="http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn">http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn</a>	38 232 742	176, Hai Bà Trưng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
6	BỘ TƯ LỆNH THÀNH PHỐ	- Trục ban: 38 641 763 - Đại tá Lê Bửu Tuấn (Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng kiêm Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố về tìm kiếm cứu nạn): 0903 627 490 - Đại tá Lê Phú Nhân (Phó Tham mưu trưởng): 0903 920 995 - Thượng tá Hoàng Dũng Sơn (Phó Ban Tác huấn): 0982 323 223	62 648 286 38 656 234	291, Cách Mạng Tháng 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
7	BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG THÀNH PHỐ	- Trục ban: (08) 39 252 624 - Đại tá Phan Bá Toại (Phó Chỉ huy trưởng Tham mưu Tác chiến kiêm Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố về tìm kiếm cứu nạn): 0903 858 707 - Đại tá Lê Ngọc Hùng (Tham mưu trưởng): 0918 193 347 - Thượng tá Đào Xuân Lý (Trưởng Ban Tác chiến): 0982 982 774 - Trung tá Lê Quang Đạo (Phòng Tham mưu, Ban Tác chiến): 0907 232 719	39 254 700	189B, Cống Quỳnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
8	CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ	- <b>Tổng Đài: 114</b> - Đại tá Lê Tấn Bửu (Giám đốc kiêm Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố về tìm kiếm cứu nạn): 0913 768 894 - Đại tá Đặng Tiến Dũng (Trưởng phòng Cứu nạn-Cứu hộ): 0903 632 222 - Website: <a href="http://www.pccc.hochiminhcity.gov.vn">http://www.pccc.hochiminhcity.gov.vn</a>	38 385 312	258, Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
9	PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TRÊN SÔNG (SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)	- Trục ban tác chiến: 39 404 526; 39 453 063 - Thiếu tá Dương Văn Thành (Quyền Trưởng phòng): 0938 044 019, 0918 734 885; 39 414 440 - Thượng tá Nguyễn Đình Lý (Phó phòng): 0908 042 461; 39 414 439	39 414 437	25 bis, Tôn Thất Thuyết Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
10	CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ	- Trục ban: (08) 39 404 151 - Ông Ngô Quang Hưng (Phó Giám đốc kiêm Ủy viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố): 0913 194 078 - Ông Nguyễn Hải Nam (Phó Giám đốc): 0903 033 955 - Email: <a href="mailto:cvsaiagon@hcm.fpt.vn">cvsaiagon@hcm.fpt.vn</a> - Website: <a href="http://www.cangvuhanghaitphcm.com.vn">http://www.cangvuhanghaitphcm.com.vn</a>	39 404 828	01, Trương Đình Hội, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
11	BAN CHỈ HUY BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU CẢNG THÀNH PHỐ (BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG THÀNH PHỐ)	- Trục ban: 39 400 533; 39 400 933 - Đại tá Trần Quốc Vạn (Chỉ huy trưởng): 016 832 226 226 - Thượng tá Huỳnh Tấn Nguyên (Phó Chỉ huy trưởng): 0918.069.450 - Trung tá Đoàn Duy Phước (Trưởng Ban Tham mưu): 0903.033.535	38 261 870	06, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
12	ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ (HỒ CHÍ MINH RADIO)	- Trực ban: (08) 39 413 884; 39 404 148 - Ông Nguyễn Anh Tuấn (Giám đốc): 0938 436 878 - Ông Ngô Thanh Hải: 0938 500 583	39 404 581	432 - 436, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
13	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	- Điện thoại: 38 290 451/38 237 439 - Ông Trần Thế Kỳ (Phó Giám đốc kiêm Ủy viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố): 0903 952 878; - Ông Phan Công Bằng (Trưởng phòng Quản lý giao thông thủy): 0903 872 577	38 290 458	63, Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
14	CÔNG AN THÀNH PHỐ	- <b>Tổng Đài: 113</b> - Đại tá Đào Công Danh (Phó Giám đốc kiêm Phó Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố): 0903 681 717 - Thượng tá Phạm Văn Lượng (Phó phòng Hậu cần): 0903 814 791 - Website: <a href="http://catphcm.bocongan.gov.vn">http://catphcm.bocongan.gov.vn</a>	38 361 761	268, Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
15	PHÒNG CẢNH SÁT ĐƯỜNG THỦY - CÔNG AN THÀNH PHỐ	- Trực ban: 38 213 718 - Thượng tá Nguyễn Hữu Thông (Phó phòng): 0903 833 133, 38 387 877 - Trung tá Trần Mạnh Long (Đội trưởng Đội Tham mưu): 0903 729 212, 38 387 876	38 213 717	144, Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
16	SỞ Y TẾ	- <b>Tổng Đài: 115</b> - Ông Huỳnh Văn Biết (Phó Giám đốc kiêm Ủy viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố): 0903 810 500	39 309 088	59, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
17	TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM	- Điện thoại: 0643.852.637/3.854.457/3.532.201/3.524.389 - Ông Phạm Đình Vận (Tổng Giám đốc): 0913 840 232 - Ông Phạm Quốc Sứy (Phó Tổng Giám đốc): 0913 840 223 - Website: <a href="http://www.vms-south.vn/">http://www.vms-south.vn/</a>	0643.858.312	Tầng 5, số 10 đường 3/2, Thành phố Vũng Tàu

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
18	CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI ĐÔNG NAM BỘ	- Ông Trần Đại Nghĩa (Giám đốc): 0913 947 525 - Ông Phạm Tô Thành (Phó phòng Kế hoạch - Vật tư): 0909 370 888; 0643 524 389	0643.524.100	Lầu 8, số 10 đường 3/2, Thành phố Vũng Tàu
19	CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU	- Trực ban: 0643 512 811 - Ông Lê Văn Chiến (Giám đốc): 0903 923 914 - Ông Lê Văn Thức (Phó Giám đốc): 0918 148 252 - Ông Nguyễn Văn Cẩm (Phó Giám đốc): 0913 179 730	0643.512.810	02, Quang Trung, Thành phố Vũng Tàu
20	CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI	- Trực ban: 0613 835 265 - Ông Nguyễn Việt Trọng (Giám đốc): 0913 801 862 - Ông Hồ Đắc Lộc (Phó Giám đốc): 0913 807 436	0613.832.135	QL51, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
21	CẢNG VỤ HÀNG HẢI MỸ THO	- Điện thoại: 0733 853 004	0733.853.221	Số 8A Đường Tỉnh 864, Tỉnh Tiền Giang
22	CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC III	- Điện thoại: (08) 3 553 1982; 0934 313 196 - Website: <a href="http://cv3.gov.vn/">http://cv3.gov.vn/</a>		292/37/6-8 Bình Lợi, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
23	CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN (SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THÀNH PHỐ)	- Trực ban: 39 904 774 - Ông Trần Đình Vĩnh (Chi Cục trưởng): 0903 824 875 - Ông Vũ Đình Hiền (Trưởng phòng Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản): 0903 366 613	39 904 774	126H Phan Đặng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX	ĐỊA CHỈ
24	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ	- Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Huyện Cần Giờ: 37 861 520; 37 861 363 - Ông Đoàn Văn Sơn (Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Huyện): 0913 925 936 - Ông Võ Anh Kiệt (Phó Ban Thường trực): 0913 679 916 - Ông Đoàn Thanh Điệp (Chánh Văn phòng Ban): 0982 742 707	38 740 211	Đường Lương Văn Nho, Thị trần Cần Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
25	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ	- Trục ban PCLB và TKCN: 37 828 492 - Ông Bùi Hòa An (Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Huyện): 0982 982 252 - Ông Nguyễn Hữu Anh (Phó Ban Thường trực): 0908 155 078	37 828 405	330, Nguyễn Bình, Xã Phú Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng